**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

--------o0o-------

# BẢN CÁO BẠCH

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4700144572 cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 10 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 16 tháng 10 năm 2009)*

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
## TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Đăng ký niêm yết số: . . ./ĐKNY do…… cấp ngày . . . tháng. . . năm . . .)*

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO**
Địa chỉ: Tổ 12, p. Nguyễn Thị Minh Khai - TX Bắc Kạn- tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: 0281.6286786 Fax: 0281.3875021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA ANH**
30 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04.35401230 Fax: 04.35400332

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Ông: Kiều Công Hoạt**
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Khoáng sản Na Rì Hamico
Địa chỉ: Tổ 12, p. Nguyễn Thị Minh Khai- TX Bắc Kạn- tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: 0281.6286786 Fax: 0281.3875021

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DICH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

| | |
|---|---|
| **Tên cổ phiếu** | : Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |
| **Loại cổ phiếu** | : Cổ phiếu phổ thông |
| **Mệnh giá** | :10.000 đồng/cổ phiếu |
| **Tổng số lượng niêm yết** | : 11.800.000 cổ phiếu |
| **Tổng giá trị niêm yết** | : 118.000.000.000 đồng (theo mệnh giá) |

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA ANH**

30 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04.35401230 Fax: 04.35400332

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

Phòng 504, tòa nhà 17T7, Trung Hòa-Nhân Chính, Hà Nội

Điện thoại: +84.04 2811 488 – Fax: +84.04 2811 499

# MỤC LỤC

PHẦN I ..... 7
CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN ..... 7
1.1 Rủi ro về biến động kinh tế ..... 7
1.2 Rủi ro đặc thù ngành ..... 8
1.3 Rủi ro về Pháp luật ..... 9
1.4 Rủi ro khác ..... 10
PHẦN II ..... 10
NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ..... 10
2.1 Tổ chức niêm yết ..... 10
2.2 Tổ chức tư vấn ..... 10
PHẦN III ..... 11
CÁC KHÁI NIỆM ..... 11
PHẦN IV ..... 13
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT ..... 13
4.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico ..... 13
4.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển ..... 13
4.1.2 Giới thiệu về Tổng Công ty ..... 13
4.2. Cơ cấu tổ chức Tổng Công ty ..... 16
4.2.1 Sơ đồ: ..... 16
4.2.2 Diễn giải sơ đồ ..... 16
4.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty: ..... 17
4.3.1 Sơ đồ: ..... 17
4.3.2 Diễn giải sơ đồ ..... 18
4.4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty và cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty tính đến ngày 15/12/2009 ..... 23
4.4.1 Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty đến thời điểm ngày 15/12/2009 ..... 23
4.4.3 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm 15/12/2009 ..... 24
4.5 Hoạt động kinh doanh ..... 25
4.5.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm ..... 26
4.5.2 Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào ..... 29
4.5.3 Cơ cấu chi phí: ..... 33
Chính sách quản lý chi phí: ..... 33
4.5.4 Trình độ công nghệ ..... 33
4.5.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới: ..... 34
4.5.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ: ..... 35
4.5.7 Hoạt động Marketing ..... 35

4.5.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền ..... 35
4.5.9 Một số hợp đồng tiêu biểu đã thực hiện hoặc đã được ký kết ..... 36
4.6 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ..... 37
4.6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong 2 năm gần nhất ..... 37
4.6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo. ..... 38
4.7 Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành ..... 39
4.8 Chính sách đối với người lao động ..... 40
4.9 Chính sách cổ tức ..... 42
4.10 Tình hình hoạt động tài chính ..... 43
4.10.1 Các chỉ tiêu cơ bản ..... 43
4.10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu ..... 45
4.11 Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng ..... 46
4.11.1 Danh sách ..... 46
4.11.2 Sơ yếu lý lịch ..... 48
4.12 Tài sản ..... 56
4.13 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong 03 năm tiếp theo từ năm 2009 đến năm 2011 ..... 57
4.13.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên. ..... 57
4.13.2 Định hướng phát triển chiến lược của Tổng Công ty ..... 58
Phát triển nguồn nhân lực: ..... 60
4.13.3 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua ..... 60
4.14 Đánh giá của Tổ chức tư vấn niêm yết về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức ..... 62
4.15 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết ..... 62
4.16 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: ..... 63
PHẦN V ..... 64
CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT ..... 64
5. 1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông ..... 64
5. 2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu ..... 64
5. 3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 11.800.000 cổ phiếu ..... 64
5. 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành: ..... 64
5.5. Phương pháp tính giá: ..... 65
a. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B ..... 65
b. Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E ..... 66
c. Kết luận: ..... 67
5.6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài ..... 67

**PHẦN VI** ..... **69**

**CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT** ..... **69**

**1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT** ..... **69**

**2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN** ..... **69**

**PHẦN VII** ..... **70**

**PHỤ LỤC** ..... **70**

# PHẦN I

# CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

*Các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán niêm yết của Tổng Công ty .*

## 1.1 Rủi ro về biến động kinh tế

- **Tốc độ phát triển kinh tế và các ngành liên quan**

Nhu cầu sử dụng nguyên liệu khoáng sản trong sản xuất của nhiều ngành công nghiệp như công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp nhiệt điện, công nghiệp chế tạo máy, công nghiệp luyện kim, v/v… chịu ảnh hưởng từ những biến động tăng hoặc giảm của tốc độ phát triển kinh tế trên nhiều quy mô khác nhau. Các sản phẩm của Tổng Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở trong nước nên bất kỳ sự biến động nào của tình hình kinh tế trong nước cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 9 tháng đầu năm 2009 GDP cả nước tăng gần 4.6% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 506 nghìn tỷ đồng tương đương với mức tăng trưởng 6.5% so với cùng thời điểm năm 2008. Đây là mức tăng trưởng chấp nhận được trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu. Kinh tế Việt Nam được đánh giá có tốc độ phục hồi khá tốt sau khủng hoảng so với các nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Kinh tế bắt đầu phục hồi nhanh hơn so với dự kiến đã thúc đẩy sự tăng trưởng khá ấn tượng của các ngành vật liệu xây dựng, công nghiệp luyện kim như ngành thép,…điều này đã kéo theo nhu cầu sử dụng nguyên liệu khoáng trong sản xuất của các ngành trên cũng tăng lên, kéo theo sự phục hồi và tăng trưởng của ngành khai khoáng từ giữa năm 2009 và sẽ còn tiếp tục được cải thiện trong thời gian tới. Các yếu tố tích cực của nền kinh tế và ngành cũng đang và sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Có thể nói trong thời gian tới, các yếu tố kinh tế vĩ mô nhìn chung sẽ ảnh hưởng một cách tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

- **Tỷ giá hối đoái, lãi suất và lạm phát:**

Phần lớn những máy móc quan trọng phục vụ cho các nhà máy, phân xưởng của Tổng Công ty đều được nhập từ nước ngoài và được Tổng Công ty thanh toán bằng ngoại tệ (chủ yếu là đồng USD và đồng Nhân dân tệ), nên bất kỳ sự thay đổi nào về tỷ giá cũng sẽ gây ra những biến động trong chi phí đầu tư và gây khó khăn cho Tổng Công ty trong công tác lập kế hoạch kinh doanh. Mặt khác, do trong cơ cấu vốn để tài trợ cho các dự án cũng như phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh luôn có yếu tố vay nợ nên bất kỳ sự thay

đổi nào của lãi suất trên thị trường cũng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Trong thời gian qua lãi suất cho vay của các ngân hàng có xu hướng tăng lên do sự khan hiếm trong việc huy động tiền gửi khi các kênh đầu tư khác như bất động sản, chứng khoán, vàng,… đang ngày càng hấp dẫn nhà đầu tư cùng với sự phục hồi và đi lên của nền kinh tế. Điều này dẫn đến trong giai đoạn này các ngân hàng có xu hướng tăng lãi suất tiền gửi, do vậy chi phí huy động vốn cũng tăng lên, và kéo theo sự tăng lên của lãi suất cho vay. Trong ngắn hạn yếu tố lãi suất chưa thực sự ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất của Tổng Công ty do ban lãnh đạo Tổng Công ty luôn có được sự chủ động và những điều chỉnh kịp thời trong công tác điều hành cũng như vẫn đang có được sự hỗ trợ tích cực từ gói kích cầu của Chính phủ thông qua lãi suất. Tuy nhiên, trong dài hạn, cùng với sự phục hồi của nền kinh tế và tình hình lãi suất trên thị trường cũng biến động ngày càng phức tạp là một yếu tố rủi ro sẽ tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

**Biến động giá chứng khoán**

Thị trường chứng khoán Việt Nam từ đầu năm 2009 đến nay nhìn chung đã có sự phục hồi vô cùng ấn tượng với các chỉ số VN-Index và HNX-Index đều tăng xấp xỉ 130% so với mức điểm thấp nhất được thiết lập vào tháng 3 năm 2009. Tuy nhiên, hiện tại thị trường đang có sự điều chỉnh sau một thời gian tăng mạnh, giá chứng khoán trên cả 2 sàn đều đang biến động hết sức khó lường. Vì vậy, khi cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết , giá chứng khoán của Tổng Công ty cũng sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn từ biến động chung của thị trường chứng khoán, biến động trên các thị trường liên quan như vàng, ngoại tệ,…những thay đổi trong pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do vậy, cổ phiếu của Tổng Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh có khả năng biến động lớn, ảnh hưởng đến hình ảnh, giá trị thương hiệu của Tổng Công ty, từ đó có thể ảnh hưởng đến tâm lý cán bộ công nhân viên và làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

## 1.2 Rủi ro đặc thù ngành

**Rủi ro ngành**

Do đặc điểm của ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn vào các điều kiện tự nhiên nằm ngoài khả năng kiểm soát của Tổng Công ty. Mặc dù Tổng Công ty đã có những nghiên cứu, khảo sát đánh giá về địa chất, chất lượng khoáng nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình khai thác nhưng cũng không thể tránh khỏi những biến động bất thường về địa chất, chất lượng khoáng sản...có ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu đầu vào của Tổng Công ty đồng thời làm tăng chi phí khai thác, chế biến, ảnh hưởng

đến kết quả hoạt động kinh doanh. Ngoài ra những biến động của thời tiết như mưa, bão lụt, hạn hán cũng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Ngành công nghiệp khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Tổng Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.

**Rủi ro về giấy phép khai thác mỏ**

Thời hạn khai thác các mỏ của Tổng Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra nếu hoạt động khai thác mỏ của Tổng Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không gia hạn giấy phép khai thác mỏ từ phía Tổng Công ty về mặt thực tế là không nhiều do năng lực và chất lượng kỹ thuật khai thác của Tổng Công ty hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn. Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

**Rủi ro từ phía Tổng Công ty**

Do tình trạng tranh chấp và khai thác tự do tài nguyên khoáng sản vẫn tiếp diễn trên các địa bàn mà Tổng Công ty có các mỏ thuộc chủ quyền khai thác hoặc các mỏ đang được phép thăm dò, khảo sát đã đặt ra những khó khăn và rủi ro cho Tổng Công ty trong vấn đề quản lý nguồn tài nguyên thuộc chủ quyền. Ngoài ra, việc khai thác tận thu tràn lan nguồn tài nguyên của nhiều cá nhân, tổ chức trên địa bàn gây ảnh hưởng lớn đến công tác quy hoạch khai thác và sản xuất của Tổng Công ty.

## 1.3 Rủi ro về Pháp luật

Các Công ty trong ngành chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế, về tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Là Doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động của Tổng Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn

bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Tổng Công ty.

### 1.4 Rủi ro khác

Là một nhân tố trong tổng thể chung của nền kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro bất khả kháng như rủi ro hỏa hoạn, thiên tai, địch họa… Những rủi ro này có thể xảy ra và gây ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

# PHẦN II

# NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

## 2.1 Tổ chức niêm yết

| | |
|---|---|
| **Ông: Nguyễn Văn Dĩnh** | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc |
| **Bà: Hà Thị Thu Huyền** | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| **Ông: Nguyễn Văn Sơn** | Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

## 2.2 Tổ chức tư vấn

| | |
|---|---|
| **Ông: Đinh Ngọc Dương** | Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc |

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Anh tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico cung cấp.

# PHẦN III

# CÁC KHÁI NIỆM

**1/ "Tổng Công ty":** Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4700144572 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 12 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16 tháng 10 năm 2009.

**2/ " Bản cáo bạch":** Bản công bố thông tin của Tổng Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

**3/ "Cổ phần":** Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

**4/ "Cổ phiếu":** Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Tổng Công ty.

**5/ "Cổ đông":** Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty.

**6/ "Cổ tức":** Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Tổng Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

**7/ " Đại hội đồng cổ đông":** Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico.

**8/ " Hội đồng quản trị":** Hội đồng quản trị của Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản sNa Rì Hamico.

**9/ "Ban kiểm soát":** Ban kiểm soát của Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico.

**10/ " Ban Tổng Giám đốc":** Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico.

**11/ "Vốn điều lệ":** Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.

**12/ "Tổ chức niêm yết":** Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico.

**13/ "Tổ chức tư vấn niêm yết":** Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Anh (GASC)

**14/ " Tổ chức kiểm toán":** Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính (ACA)

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

| | |
|---|---|
| **KSS** | Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |
| **ĐHĐCĐ** | Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico. |
| **HĐQT** | Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |
| **BKS** | Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |
| **TGĐ** | Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |
| **BGĐ** | Ban Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |
| **CBCNV** | Cán bộ công nhân viên Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |
| **TNDN** | Thu nhập doanh nghiệp |
| **TSCĐ** | Tài sản cố định |
| **TSLĐ** | Tài sản lưu động |
| **VSCH** | Vốn chủ sở hữu |
| **Giấy CNĐKKD** | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh |
| **Số CMND** | Số chứng minh nhân dân |
| **WTO** | Tổ chức Thương mại Thế giới |
| **UBCKNN** | Ủy ban chứng khoán Nhà nước |
| **HOSE** | Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

# PHẦN IV

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

## 4.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico

### 4.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico tiền thân là doanh nghiệp tư nhân Sơn Trang, sau đó được đổi tên thành Tổng Công ty cổ phần xây dựng Sơn Trang vào ngày 12/01/2004 và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico vào ngày 16 tháng 10 năm 2009. Trong quá trình hoạt động và phát triển của mình, Tổng Công ty đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong kinh doanh và nhận được nhiều bằng khen của UBND tỉnh Bắc Kạn và các ban ngành có liên quan như: Cúp vàng hội nhập kinh tế quốc tế năm 2008, Doanh nghiệp tiêu biểu hoàn thành nghĩa vụ thuế năm 2007,…

Từ một doanh nghiệp cổ phần tư nhân với vốn điều lệ ban đầu là 11.500.000.000 đồng, Công ty đã tiến hành tăng vốn lần thứ 1 lên 25.000.000.000 đồng vào ngày 30/01/2005 bằng hình thức chuyển nhượng cổ phần và góp thêm vốn giữa các cổ đông sáng lập. Công ty hoàn tất việc tăng vốn lần thứ 2 khi kết thúc năm tài chính 31/12/2008 với vốn điều lệ là 34.500.000.000 đồng. Kết thúc quý III năm 2009, Công ty hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lần thứ 3 lên 118.000.000.000 đồng và chính thức chuyển tên thành Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico vào ngày 16/10/2009. Tổng Công ty đã nộp hồ sơ Công ty đại chúng lên UBCK Nhà nước và chính thức trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 2537/UBCK-QLPH của UBCK Nhà nước vào ngày 31/10/2009.

### 4.1.2 Giới thiệu về Tổng Công ty

- Tên tổ chức : **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO**
- Tên giao dịch quốc tế :NARI HAMICO MINERALS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : NA RI HAMICO JSC
- Trụ sở chính : Tổ 12 phường Nguyễn Thị Minh Khai, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
- Điện thoại : 0281.3 875 734
- Fax : 0281. 3 875 021
- Website : www.narihamico.vn và www.khoangsannari.com

- Biểu tượng của Tổng Công ty :
- Vốn điều lệ : **118.000.000.000 đồng**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4700144572 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 12 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16 tháng 10 năm 2009.

**Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty:**

- Xây dựng dân dụng, đường giao thông, thủy lợi;
- San lấp mặt bằng, xây lắp hệ thống cấp thoát nước, xây dựng các công trình kỹ thuật khác (vườn ươm, trại giống cây trồng,…)
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (quặng sắt, chì, kẽm, đồng, niken, thiếc, titan,…)
- Khai thác quặng vàng, bạc;
- Sản xuất gạch bằng lò Tuynel;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng;
- Xây dựng nhà máy thủy điện, sản xuất điện (thủy điện), truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác đá, cát sỏi; dịch vụ khoan nổ mìn, khai thác, chế biến các loại đá;

**Các sản phẩm, dịch vụ truyền thống của Tổng Công ty:**

- **Thi công xây dựng các công trình: Đường quốc lộ, tỉnh lộ, công trình thuỷ lợi…**

*Một số hình ảnh về các công trình Tổng Công ty đã thi công*

- **Các sản phẩm từ quặng sắt**

  + Dạng quặng nguyên khai

  + Tinh quặng $Fe_2O_3$ kích cỡ từ 0.1mm đến 1mm, độ $TF_e$ đạt từ 67% trở lên

- **Các sản phẩm từ đá trắng**

  + Bột $CaCO_3$ siêu mịn kích cỡ từ 1-30µ; $CaCO_3$ mịn từ 30-70 µ;

  + Đá khối; đá vo viên;

  + Đá xẻ tấm

- **Các sản phẩm từ quặng Silic**

  + Bột Silic với kích cỡ từ 40µ đến 70µ, và kích thước hạt từ 0.5cm đến 2cm.

*Khai thác quặng sắt tại mỏ Pù Ổ*

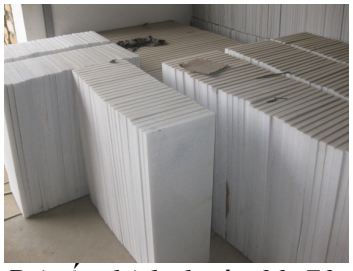

*Đá tấm kích thước 30x70cm được sản xuất tại nhà máy sx đá xẻ, đá kiềm thuộc khu CN Lũng Hoàn*

*Đá trắng khối tại mỏ Bản Lồm*

*Đá xẻ tấm kích thước từ 1.2 đến 1.5 m được sản xuất tại nhà máy sx đá xẻ, đá kiềm thuộc khu CN*

*Nhà máy nghiền tuyển Silic tại nhà máy chế biến Silic xã Thượng Quan, Ngân Sơn*

*Sản phẩm bột đá Cacbonat siêu mịn thành phẩm tại Nhà máy Cacbonat tại khu CN Lũng Hoàn*

## 4.2. Cơ cấu tổ chức Tổng Công ty

### 4.2.1 Sơ đồ:

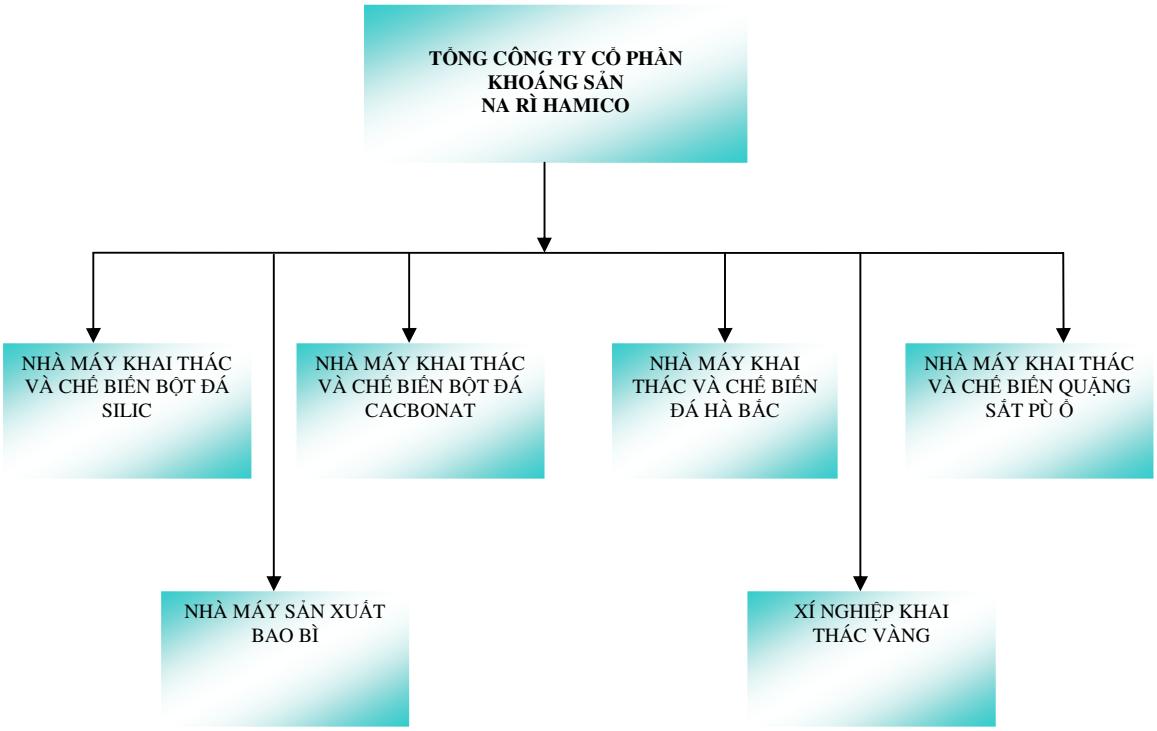


### 4.2.2 Diễn giải sơ đồ

- **Trụ sở chính : Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico**

  Địa chỉ: Tổ 12 phường Nguyễn Thị Minh Khai, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;

  Điện thoại: 0281.3875734 Fax: 0281.3875735

- **Nhà máy khai thác và chế biến bột đá Silic**

  Địa chỉ: thôn Bằng Lãng, xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn

  Điện thoại: 0281.2213298

- **Nhà máy khai thác và chế biến bột đá Cabonat**

  Địa chỉ: thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn

  Điện thoại: 0281.3861093

- **Nhà máy khai thác và chế biến đá Hà Bắc**

  Địa chỉ: thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn

  Điện thoại: 0281.3861094

- **Nhà máy khai thác và chế biến quặng sắt Pù Ô**

  Địa chỉ: thôn Khuổi Giang, xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn

  Điện thoại: 0281.3882095

## 4.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty:

### 4.3.1 Sơ đồ:

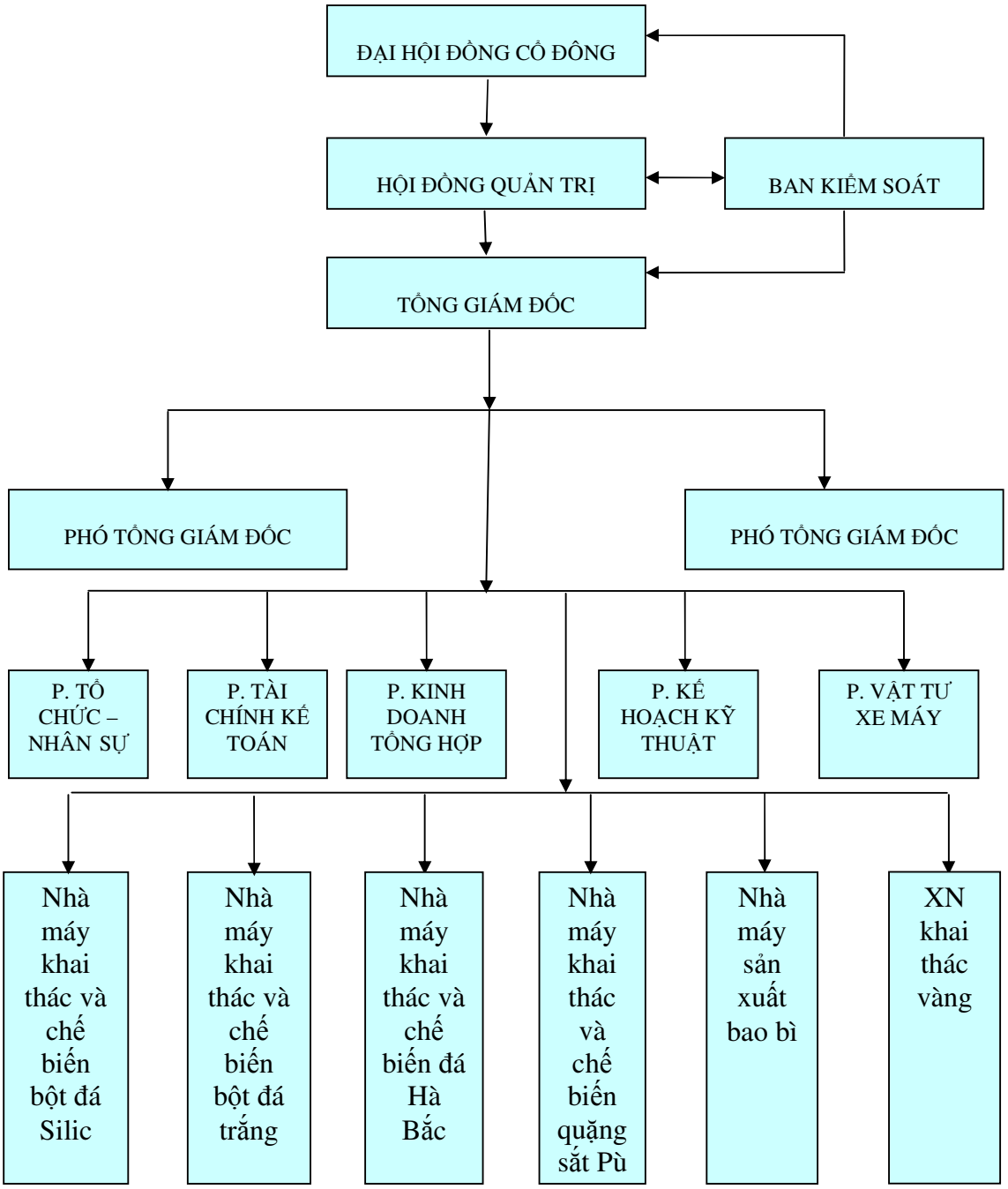

### 4.3.2 Diễn giải sơ đồ

**Đại Hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Tổng Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số Thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

**Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Tổng Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Tổng Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Tổng Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Tổng Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

**Ban Kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Tổng Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Tổng Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

**Ban Giám đốc**

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Tổng Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Tổng Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Tổng Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Tổng Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

**Chức năng các phòng ban**

***Phòng Hành chính Nhân sự***

Phòng hành chính nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Tổng Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế

độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Tổng Công ty.

- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Tổng Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Tổng Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lữu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban giám đốc Tổng Công ty.

***Phòng Tài chính - Kế toán***

Phòng Tài chính - Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Tổng Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban giám đốc.

***Phòng Kinh doanh Tổng hợp***

Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Tổng Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Tổng Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Tổng Giám đốc xem xét phê duyệt.

***Phòng Vật tư Xe máy***

- Phòng có chức năng quản lý toàn bộ xưởng sửa chữa, thiết bị máy móc hiện có của Tổng Công ty.
- Lập kế hoạch sửa chữa định kỳ hàng tháng, hàng quý đối với từng loại thiết bị máy móc để trình lên Ban Tổng Giám đốc phê duyệt, đảm bảo sao cho toàn bộ các thiết bị máy móc

của các nhà máy, công trường định kỳ được bảo dưỡng, vận hành tốt nhưng đồng thời phải đảm bảo tính vận hành liên tục của sản xuất.

- Lập kế hoạch và cung cấp vật tư theo tiến độ thực tế tại các nhà máy, công trường của Tổng Công ty.

**Các đơn vị trực thuộc:**

**Nhà Máy khai thác và chế biến bột đá Silic**

Địa chỉ: xã Thượng Quan - huyện Ngân Sơn - tỉnh Bắc Kạn

Được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 13101000002 ngày 11/04/2006 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Nhà máy xây dựng trên diện tích 3ha với công suất chế biến là 110.000 tấn/ năm.

*Chức năng chính của nhà máy:*

Khai thác và chế biến tại chỗ quặng Silic thành bột Silic với kích cỡ từ 40µ đến 70µ, và kích thước hạt từ 0.5cm đến 2cm.

**Nhà Máy khai thác và chế biến bột Cacbonat**

Địa chỉ: Thôn Lũng Hoàn - xã Xuất Hoá – thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

Được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 13101000011 ngày 28/09/2007 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Nhà máy được xây dựng trên diện tích 3ha với công suất chế biến là 100.000 tấn/ năm.

*Chức năng chính của Nhà máy:*

Nghiền đá Cacbonat CaCO3 thành bột đá Cacbonat siêu mịn với cỡ hạt từ 1µ đến 70µ; cỡ hạt từ 1µ đến 5µ có tráng phủ axit béo.

**Nhà Máy khai thác và chế biến đá vôi trắng và đá kiềm**

Địa chỉ: thôn Lũng Hoàn - xã Xuất Hóa - thị xã Bắc Kạn - tỉnh Bắc Kạn

Được cấp chứng nhận đầu tư số 13101000005 ngày 05/06/2007 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Nhà máy xây dựng trên diện tích 3ha với công suất chế biến đá Khối là 3.000 $m^3$/ năm, đá xẻ tấm là 50.000 $m^3$/ năm, bột đá vôi đóng bao là 12.000 tấn/ năm, bột đá Nephelin: 20.000 tấn/ năm, đá xoa viên là 20.000 tấn/ năm.

*Chức năng chính của Nhà máy:*

Khai thác, chế biến đá vôi trắng và đá kiềm dùng trong nước và xuất khẩu.

**Nhà Máy khai thác và chế biến Quặng sắt Pù Ổ**

Địa chỉ: xã Quảng Bạch – huyện Chợ Đồn - tỉnh Bắc Kạn

Được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 13101000015 ngày 14/03/2008 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Nhà máy được xây dựng trên diện tích 20ha với công suất chế biến là 52.500 tấn/ năm

*Chức năng chính của Nhà máy:*

Nghiền, tuyển nâng cao độ quặng từ quặng sắt thô thành tinh quặng $Fe_2O_3$ với hàm lượng $TF_e$ sau tuyển >=67%.

**Nhà máy sản xuất bao bì**

Địa chỉ: thôn Lũng Hoàn - xã Xuất Hoá - tỉnh Bắc Kạn

*Chức năng chính của Nhà máy:*

Sản xuất các loại bao bì PP, mành PP, mành bao xi măng, chỉ dù,.. phục vụ cho nhu cầu đóng gói các sản phẩm từ khai khoáng của Tổng Công ty và một phần nhỏ phục vụ thị trường trong nước.

**Các đơn vị Tổng Công ty nắm giữ phần vốn chi phối hoặc tham gia liên kết góp vốn :**

**Công ty TNHH Khoáng sản Hà Bắc**

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng ( Năm mươi tỷ đồng )

Địa chỉ: Tổ 9 phường Phùng Chí Kiên, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

Điện thoại: 0281.3210 717

Giấy CNĐKKD số 1302000137 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 13/04/2007.

Hoạt động kinh doanh chính: Thăm dò, khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản. Sơ chế Nephelin, chế biến đá Trắng, đá Xẻ,…

Đây là công ty liên kết giữa Tổng công ty cổ phần Khoáng sản Na rì Hamico với Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico (tiền thân là Tổng công ty cổ phần Khoáng sản Hà Nam) mỗi bên góp 50%. Đến thời điểm 30/09/2009, vốn thực góp của Tổng công ty vào công ty TNHH Hà Bắc là 9.800.000.000 đồng.

**Liên kết 3 bên gồm Tổng công ty cổ phần Khoáng sản Na rì Hàmico- Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico (tiền thân là Tổng công ty cổ phần Khoáng sản Hà Nam) và Công ty TNHH Hùng Dũng theo tỉ lệ 40:40:20 đầu tư khai thác mỏ vàng sa khoáng tại xã Lương Thượng, huyện Na rì, tỉnh Bắc Kạn và một số sản phẩm khoáng sản khác.**

**Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico**

Vốn điều lệ: 116.900.000.000 đồng

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Giấy CNĐKKD số 0700.189.368 đăng ký lần đầu ngày 13/09/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 12/10/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản; khai thác và chế biến khoáng sản; bán buôn kim loại và quặng kim loại; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét; kinh doanh bất động sản, nhà đất…

**Công ty TNHH Hùng Dũng**

Vốn điều lệ: 5.200.000.000 đồng (Năm tỷ hai trăm triệu đồng)

Địa chỉ: Tổ 08 phường Phùng Chí Kiên, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

Giấy CNĐKKD số 1303000114 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 28/02/2006

Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, chế biến kim loại quặng; Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Xây dựng nhà máy thủy điện, truyền tải và phân phối điện;

**Các tổ chức nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổng Công ty:**

Không có

## 4.4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty và cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty tính đến ngày 15/12/2009

### 4.4.1 Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty đến thời điểm ngày 15/12/2009

*Bảng 1*

| TT | Cổ phần | Tỷ lệ thực góp | Số cổ phần Sở hữu (cổ phần) | Số cổ đông (người/tổ chức) | Giá trị vốn góp (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|
| | Cổ đông là cá nhân | 93,58% | 11.042.000 | 126 | 110.420.000.000 |
| | *Trong đó:* | | | | |
| | *Trong Tổng Công ty:* | *21,36%* | *2.520.000* | *3* | *25.200.000.000* |
| | *Ngoài Tổng Công ty:* | *72,22%* | *8.522.000* | *123* | *85.220.000.000* |
| | Cổ đông là tổ chức (*) | 6,42% | 758.000 | 03 | 7.580.000.000 |
| | **Tổng cộng** | **100%** | **11.800.000** | **129** | **118.000.000.000** |

*(Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico)*

***(*) :-*** *Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamcio: nắm giữ 400.000 cp tương đương 3.39%;*

*- Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long: nắm giữ 100.000 cp tương đương 0.85%*

*- Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội: nắm giữ 258.000 cp tương đương 2.19%;*

### 4.4.2 Cổ đông sáng lập tại ngày 15/12/2009

*Bảng 2*

| TT | Cổ đông | Địa chỉ | Số CMND/ĐKKD | Số lượng CP sở hữu | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Dĩnh | Tổ 9 phường Phùng Chí Kiên, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn | 095051981 | 2.000.000 | 16,95% |
| 2 | Nguyễn Xuân Mai | Tổ 24, phường Hai Bà Trưng, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam | 161134081 | 580.000 | 4.92% |
| **3** | Nguyễn Văn Dũng | Tự Lạn, Việt Yên, Bắc Giang | 120949106 | 100.000 | 0.84% |
| | **Tổng cộng** | | | **2.680.000** | **22.71%** |

*(Đến thời điểm ngày 15/12/2009, các cam kết hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực)*

### 4.4.3 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm 15/12/2009

*Bảng 3*

| TT | Cổ đông | Địa chỉ | Số CMND/ĐKKD | Số lượng CP sở hữu | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Dĩnh | Tổ 9 phường Phùng Chí Kiên, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn | 095051981 | 2.000.000 | 16,95% |
| | **Tổng cộng** | | | **2.000.000** | **16,95%** |

## 4.5 Hoạt động kinh doanh

### ❖ Các sản phẩm chính từ khai khoáng của Tổng Công ty:

**Quặng sắt nguyên khai và tinh quặng sắt:**

- Vị trí mỏ khai thác: khu vực Pù Ổ, xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo giấy phép khai thác số 929/GP-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường cấp ngày 02/05/2008.
- Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Quặng sắt nguyên khai và tinh quặng sắt với hàm lượng $TF_e$ đạt từ 67% trở lên.
- Thị trường tiêu thụ: Cung cấp làm nguyên liệu đầu vào cho ngành công nghiệp luyện kim trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài;

**Quặng Silic (Thạch anh) dạng hạt:**

- Vị trí mỏ khai thác: tại mỏ Bằng Lãng thuộc xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn theo giấy phép khai thác số 160/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 23/01/2006.

  Sản phẩm sau khai thác và chế biến: bột Silic với kích cỡ từ 40µ đến 70µ, và kích thước hạt từ 0.5cm đến 2cm.
- Thị trường tiêu thụ: dùng làm phụ gia cho công nghệ luyện thép; làm kính công nghệ cao; dùng làm chất bán dẫn trong ngành công nghiệp sản xuất vi mạch điện tử; sản phẩm của Tổng Công ty có thị trường tiêu thụ khá ổn định tại thị trường trong nước và nước ngoài như Nhật Bản, Hàn Quốc và một số nước Châu Âu.

**Các sản phẩm từ đá trắng ($CaCO_3$):**

- Vị trí mỏ khai thác: tại mỏ Bản Lồm, xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo giấy phép khai thác số 812/GP-UBND của UBND tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 26/04/2006.
- Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Bột đá trắng min, đá xẻ, đá hạt
- Thị trường tiêu thụ: Phục vụ các ngành sản xuất như xây dựng, nhựa, giấy,..làm nguyên liệu để sản xuất gốm, sứ, thủy tinh cao cấp;

### ❖ Các hoạt động thi công xây dựng

**Thi công xây dựng các công trình: Đường quốc lộ, tỉnh lộ, công trình thuỷ lợi**

- ***Thi công các công trình đường giao thông miền núi***

- Đường mở mới, đường nâng cấp (kết cấu: Mặt đường đá dăm láng nhựa, hệ thống cầu cống thoát nước ngang, rãnh dọc đá hộc xây vữa xi măng).

*Công trình tiêu biểu:* Đường tránh khu vực phòng thủ xã Sĩ Bình, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn; Đường đê bao chống lũ khu vực Bắc Sông Cầu; Đường ĐT254-Bản Nhì, huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn; Đường Cáp Trạng-vườn quốc gia Ba Bể, Bắc Kạn;…

- ***Thi công hệ thống kè chống lũ***

- Thi công công trình kè chống lũ kết hợp đường đê bao ( kết cấu: Tấm lát mái bằng BT; BTCT; chân kè là hệ thống ống buy; Đường đê bao với kết cấu lớp mặt BT atphal; mặt đường bê tông).

*Công trình tiêu biểu:* Kè đê bao chống lũ Bắc Sông Cầu; kè chống xói lở Khâu Vàng, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; kè chống xói lở bờ sông xã Tân Lập, Bắc Kạn;…

- ***Thi công cầu bê tông cốt thép dự ứng lực***

- Cầu dầm bê tông cốt thép L=18m; cầu dầm bê tông cốt thép dự ứng lực L=33m;

*Công trình tiêu biểu:* Cầu Nà Trạo (ĐT254 Bản Nhì), Cầu Cáp Trạng (đường Cáp Trạng-vườn quốc gia Ba Bể);…

- ***Thi công các công trình hồ chứa nước***

- Hồ chứa nước kiểu đập đất; hồ chứa nước bê tông cốt thép; hồ sinh thái; ( phục vụ cho sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc miền núi; khu du lịch Hồ Ba Bể).

*Công trình tiêu biểu:* Hồ chứa nước số 1, hồ chứa nước số 2, hồ chứa nước Khuổi Dày, hồ sinh thái vườn quốc gia Ba Bể;…

- ***Thi công các công trình dân dụng***

- Thi công công trình chợ; hạ tầng kỹ thuật các khu thể thao; hạ tầng khu công nghiệp; hạ tầng khu liên hiệp nhà máy.

*Công trình tiêu biểu:* Khu liên hợp các nhà máy của Tổng Công ty tại Thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, Bắc Kạn; hạ tầng kỹ thuật khu thể thao Tổng Đích, thị xã Bắc Kạn; bể bơi vườn quốc gia Ba Bể; trường trung cấp nghề tỉnh Bắc Kạn;…

### 4.5.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

**Cơ cấu doanh thu từng loại sản phẩm và dịch vụ qua các năm 2007, 2008 và 09 tháng năm 2009**

*Bảng 4* *Đơn vị: 1000 đồng*

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2007 | Năm 2008 | 30/09/2009 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Doanh thu từ hợp đồng xây dựng | 10.836.204 | 17.212.108 | 35.250.350 |
| 2 | Doanh thu từ tinh quặng Silic | 209.314 | 7.662.576 | 18.596.743 |
| 3 | Doanh thu từ tinh quặng sắt | - | - | 104.526.709 |
| | Doanh thu khác | 1.818 | - | - |
| | **Tổng doanh thu** | **11.047.336** | **24.874.683** | **158.373.802** |

*(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, 2008 và Báo cáo 9 tháng đầu năm 2009 của Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico đã được kiểm toán bởi ACA)*

Từ năm 2004 đến năm 2007, hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty chủ yếu là xây dựng nên doanh thu từ hoạt động này chiếm tỉ trọng lớn. Tuy nhiên, từ năm 2008 đến nay, Tổng Công ty đã mở rộng hoạt động sang lĩnh vực khai thác, sản xuất, kinh doanh khoáng sản nên tỉ trọng doanh thu từ hoạt động xây dựng đã giảm trong tổng doanh thu. Nếu như năm 2007 tỉ trọng doanh thu từ khai thác khoáng sản trên tổng doanh thu chỉ chiếm 1,89%, thì năm 2008 đã tăng lên 30,8% và 9 tháng đầu năm 2009 đạt 77,74%. Như vậy, việc mở rộng quy mô và ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty bước đầu đã đạt được những thành công đáng ghi nhận và càng khẳng định việc Tổng Công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực khai thác và kinh doanh khoáng sản, ban đầu từ silic, đá vôi, tiếp đến là quặng sắt, vàng sa khoáng, chì kẽm…là đúng đắn và hoàn toàn có cơ sở. Tổng Công ty tin tưởng và đặt mục tiêu sẽ trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực khai thác, sản xuất, chế biến và kinh doanh khoáng sản.

## Cơ cấu lợi nhuận

*Bảng 5* *Đơn vị:1000 đồng*

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2007 | | Năm 2008 | | 9 tháng 2009 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 798.908 | 76.36% | 2.395.489 | 103.8% | 29.977.633 | 100% |
| 2 | Lợi nhuận khác | 247.303 | 23.64% | (87.583) | (3.8)% | - | - |
| | **Tổng lợi nhuận trước thuế** | **1.046.211** | **100%** | **2.307.906** | **100%** | **29.977.633** | **100%** |

*(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008 và 09 tháng năm 2009 đã được kiểm toán bởi ACA)*

Trong năm 2007, lợi nhuận của Tổng Công ty chủ yếu đến từ các hoạt động thi công xây lắp với tỷ lệ lợi nhuận thuần/ doanh thu xấp xỉ 6.8%, trong khi đó tỷ lệ lợi nhuận thuần/ doanh thu đến từ khai thác khoáng sản (năm 2007 Tổng Công ty chủ yếu khai thác và chế biến Silic) xấp xỉ 30%. Sang năm 2008, do sự biến động phức tạp của giá cả nguyên vật liệu trên thị trường do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế nên Tổng Công ty không tính toán và kiểm soát được hết các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và dẫn đến mặc dù doanh thu từ hoạt động thi công xây lắp và khai thác khoáng sản (trong năm 2008 Tổng Công ty vẫn chủ yếu là khai thác và chế biến Silic) tăng lên đáng kể nhưng tỷ lệ doanh thu thuần/ doanh thu của từng lĩnh vực hoạt đông lại giảm đi rõ rệt. Trong năm 2008 tỷ lệ lợi nhuận thuần/doanh thu khai thác và chế biến khoáng sản giảm đi so với 2007 chỉ còn 20%, trong khi đó tỉ lệ lợi nhuận thuần/ doanh thu hoạt động thi công xây lắp là xấp xỉ 5%. Từ đầu năm 2009 đến kết thúc quý III/2009, Tổng Công ty đã khai thác và chế biến được quặng sắt, cũng như tình hình giá cả nguyên vật liệu trên thị trường đã trở lên bình ổn, đồng thời Tổng Công ty cũng đã chủ động trong việc khai thác và phân phối sản phẩm ra thị trường nên tỉ trọng lợi nhuận thuần/doanh thu của hoạt động thi công xây lắp đã ở mức bình thường là xấp xỉ 8%, trong khi đó tỉ lệ lợi nhuận thuần/ doanh thu hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản là 22%.

### 4.5.2 Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào

➢ **Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào chủ yếu**

Các nguyên vật liệu, vật tư chính cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Quặng nguyên khai Sắt, Silic, Nephelin,…

- Vàng sa khoáng

- Các thiết bị khai thác như: Máy xúc, dàn nghiền tuyển, xe Ben, máy khoan thủy lực, búa đập, máy bơm áp lực cao,…

- Các thiết bị phục vụ xây dựng, vận chuyển như: Xe tải các loại, máy xúc, máy ủi, máy san gạt, lu tĩnh, lu rung,…

- Thuốc nổ công nghiệp

- Các thiết bị điện, nước phục vụ khai thác, xây dựng và chế biến khoáng sản như dây điện, ống nhựa,...

- Nhiên liệu xăng, dầu, than: Chiếm khoảng 10% trên tổng chi phi sản xuất của Tổng Công ty. Nguồn nhiên liệu được cung cấp chủ yếu cho các thiết bị thi công, khai thác mỏ tại các xưởng, nhà máy, các phương tiện vận chuyển như xe Ben, xe tải,…

➢ **Sự ổn định của các nguồn cung cấp:**

Hiện nay Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico đang được cấp phép khai thác các mỏ sau:

✓ ***Mỏ quặng sắt tại khu vực Pù Ổ, xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn***

+ Giấy phép khai thác số 929/GP-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường cấp ngày 02/05/2008.

+ Diện tích khu vực khai thác: 3.5 ha

+ Trữ lượng khai thác: 836.927 tấn

+ Công suất khai thác dự tính: 52.500 tấn/ năm

+ Thời hạn khai thác: 17 năm 04 tháng

✓ ***Mỏ quặng Silic ( Thạch anh ) tại Bằng Lãng, xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn***

+ Giấy phép khai thác số 684/GP-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 11/04/2006.

+ Diện tích khu vực khai thác: 10 ha

+ Trữ lượng được khai thác: 1.089,9 nghìn tấn

+ Công suất khai thác dự tính: 110.000 tấn/ năm

+ Thời hạn khai thác: 05 năm tính từ tháng 01/2006, khi hết hiệu lực giấy phép sẽ tiếp tục xin gia hạn.

✓ ***Mỏ vàng sa khoáng Nà Làng, xã Lương Thượng, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn***

+ Giấy phép khai thác số 2769/GP-UBND cấp ngày 14/09/2009 của UBND tỉnh Bắc Kạn

+ Diện tích khai thác: 19.02 ha

+ Thời hạn cấp phép: 03 năm, tính từ tháng 09 năm 2009

***Mỏ đá vôi trắng tại mỏ Bản Lồm, xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn***

+ Giấy phép khai thác số 812/GP-UBND cấp ngày 26/04/2006 của UBND tỉnh Bắc Kạn

+ Diện tích khai thác: 3.5 ha

+ Trữ lượng khai thác: 450.000 $m^3$

+ Công suất khai thác: 90.000 $m^3$/ năm

+ Thời hạn khai thác: 05 năm, tính từ tháng 5 năm 2006 đến tháng 5 năm 2011.

*Ngoài các mỏ đã được cấp giấy phép khai thác, Tổng Công ty cũng đã được cấp phép thăm dò khai thác các mỏ sau:*

✓ ***Mỏ Syenit Nephelin tại khu vực Bản Man, xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn***

+ Giấy phép thăm dò số 859/GP-BTNMT cấp ngày 22/04/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

+ Diện tích khu vực thăm dò: 22.31 ha

+ Thời gian thăm dò: 15 tháng kể từ ngày cấp giấy phép thăm dò

✓ ***Mỏ đá hoa cương khu vực Đán Khao, xã Tân Lập, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn***

+ Giấy phép thăm dò số 1136/GP-BTNMT cấp ngày 30/05/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

+ Diện tích khu vực thăm dò: 31.28 ha

+ Thời gian thăm dò: 24 tháng kể từ ngày cấp giấy phép thăm dò.

Hiện tại tất cả các mỏ Tổng Công ty được cấp phép thăm dò đã hoàn tất hồ sơ báo cáo thăm dò khảo sát, lập báo cáo đánh giá trữ lượng để hội đồng đánh giá trữ lượng của các ban ngành quản lý có liên quan sẽ tiến hành đánh giá và thẩm định. Sau khi được phê duyệt trữ lượng sẽ tiến hành thiết kế cơ sở và đánh giá tác động môi trường trước khi được cấp phép chính thức. Khả năng được cấp phép chính thức khai thác các mỏ đang trong giai đoạn thăm dò khai thác là gần như chắc chắn do Tổng Công ty đã làm rất tốt các khâu chuyên môn cũng như nhận được sự tin tưởng và ủng hộ lớn của các ban ngành có liên quan từ địa phương đến trung ương.

**Danh sách một số nhà cung cấp vật tư nhiên liệu cho Tổng Công ty**

*Bảng6*

| STT | Tên nhà cung cấp | Địa chỉ | Sản phẩm cung cấp |
|---|---|---|---|
| 1 | Hosokawa Alpine | P.O Box 10.11.51; D-86001 Augsburg, CHLB Đức | Dây chuyền nghiền bột đá Cacbonat |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 2 | Shanghai Zenith Company | VPĐD: Khu đô thị Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội | Dây chuyền nghiền bột đá Silic |
| 3 | Tổng Công ty cổ phần kinh doanh thiết bị phụ tùng T&C | Thôn Cầu, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội | Thiết bị máy xúc, máy ủi, máy lu |
| 4 | Tổng Công ty thiết bị phụ tùng Hòa Phát | 243 đường Giải Phóng, quận Đống Đa, Hà Nội | Thiết bị nghiền, tuyển quặng |
| 5 | Chi nhánh Tổng Công ty xăng dầu Bắc Thái | Tổ 9, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Bắc Kạn | Xăng, dầu, ga, mỡ bôi trơn các loại |

Nhìn chung, với các mỏ đã được cấp giấy phép khai thác cũng như những mỏ đã được cấp quyết định thăm dò với trữ lượng tương đối cao và chất lượng tốt, nguồn cung ứng vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất của Tổng Công ty luôn ổn định và dồi dào, đáp ứng đầy đủ nhu cầu thị trường và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong từng thời kỳ. Nguồn cung ứng nhiên liệu thiết yếu như xăng, dầu cũng rất ổn định về số lượng cũng như chất lượng vì Tổng Công ty đã có được quan hệ đối tác bền chặt trong nhiều năm với các nhà cung ứng nhiên liệu trong phạm vi tỉnh cũng như một vài tỉnh thành trên cả nước.

➢ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty:**

Nguyên liệu chủ yếu phục vụ sản xuất của Tổng Công ty được khai thác trực tiếp tại các mỏ. Vì vậy, những chính sách quản lý vĩ mô của nhà nước trong quản lý nguồn tài nguyên khoáng sản sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nguồn nguyên liệu của Tổng Công ty. Bất cứ một sự thay đổi nào về chính sách đều ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.

Nguồn cung ứng năng lượng cho Tổng Công ty là các Tổng Công ty kinh doanh xăng dầu trong nước. Nhìn chung số lượng cung cấp nhiên liệu xăng dầu rất ổn định về số lượng và giá cả xăng dầu được thực hiện theo quy định của Nhà nước. Tuy nhiên kể từ đầu năm 2009 cho đến nay, giá cả xăng dầu trên thế giới cũng như trong nước đã tăng khá mạnh do nhu cầu sử dụng tăng lên, kéo theo chi phí đầu vào cho sản xuất của Tổng Công ty cũng

tăng lên. Diễn biến giá cả nhiên liệu trên thị trường trong thời gian tới sẽ có ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

### 4.5.3 Cơ cấu chi phí:

**Tỷ trọng các chi phí của Tổng Công ty qua các năm :**

*Bảng 7* *(Đv tính: triệu đồng)*

| STT | Yếu tố | Năm 2007 | | Năm 2008 | | 30/09/2009 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giá trị | Tỷ trọng so với DT thuần | Giá trị | Tỷ trọng so với DT thuần | Giá trị | Tỷ trọng so với DT thuần |
| 1 | Giá vốn bán hàng | 7.934 | 71,8% | 19.057 | 76,61% | 118.252 | 74,66% |
| 2 | Chi phí bán hàng | - | 0% | - | 0% | - | 0% |
| 3 | Chi phí QLDN | 1.663 | 15,06% | 2.095 | 8,42% | 1.943 | 1,23% |
| 4 | Chi phí tài chính | 652 | 5,9% | 1.330 | 5,35% | 8.217 | 5,19% |
| | **Tổng** | **10.249** | **92,76%** | **22.482** | **90,38%** | **128.412** | **81,08%** |

*(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008 và 09 tháng năm 2009 của Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico đã được kiểm toán bởi ACA)*

**Chính sách quản lý chi phí:**

Tổng Công ty đang tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban, chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Tổng Công ty cũng quán triệt tinh thần tiết kiệm trong lao động sản xuất tới từng các bộ công nhân viên nhằm mục đích giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng trong các khâu sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

### 4.5.4 Trình độ công nghệ

Hiện nay Tổng Công ty đang sử dụng những công nghệ và trang thiết bị trong thăm dò, khai thác và sản xuất khoáng sản rất phù hợp với địa chất các điểm mỏ thuộc chủ quyền, cũng như đáp ứng những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường

sinh thái. Các dây chuyền nghiền, đập, phân loại và tuyển khoáng của Tổng Công ty chủ yếu được nhập từ Đức, Ý, Trung Quốc,.. chỉ có một số thiết bị máy móc sử dụng công nghệ trong nước. Đặc biệt, công nghệ khai thác và sản xuất Nephelin được áp dụng công nghệ hoàn toàn mới, cho ra chất lượng sản phẩm cao và đã được cấp đăng ký bản quyền tại Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam, tới đây sẽ được đưa vào sử dụng khi nhà máy khai thác và chế biến Nephelin đi vào hoạt động.

### 4.5.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Ban " Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới" của Tổng Công ty trong những năm qua đã tập hợp được những cán bộ nòng cốt, có trình độ chuyên môn cao, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc đã không ngừng nghiên cứu, tìm tòi và phát triển những sản phẩm mới nhằm đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao cho Tổng Công ty. Một trọng những thành tựu nổi bật của Ban là đã cùng với các cán bộ nghiên cứu của các Tổng Công ty khác trong ngành, có mối quan hệ mật thiết như Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Hà Nam sáng chế ra công nghệ và quy trình sản xuất, làm giàu Nephelin hoàn toàn mới, cho ra sản phẩm thử nghiệm đạt chất lượng cao và đã được cấp đăng ký bản quyền tại Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam theo Quyết định số 60902/QĐ-SHTT ngày 21/11/2007.

### 4.5.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:

Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ khai khoáng đến từng công đoạn. Để đủ tiêu chuẩn bán ra thi trường, các sản phẩm từ khai khoáng của Tổng Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát sau:

- Tại các mỏ đều có các cán bộ chuyên môn trực tiếp giám sát quá trình khai thác, sàng lọc quặng nguyên khai
- Sau quặng nguyên khai được đưa vào quy trình sàng lọc, nghiền tuyển với các máy móc hiện đại, sản phẩm sau tuyển chọn sẽ được đưa vào phòng thí nghiệm để phân tích hàm lượng quặng. Chỉ những lô sản phẩm có chất lượng tốt, đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường mới được phép lưu kho sản phẩm.
- Toàn bộ quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm quặng của Tổng Công ty đều được áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000.

Đối với các công trình xây dựng dân dụng, giao thông thủy lợi,..mà Tổng Công ty thi công, để đảm bảo kỹ thuật và mỹ thuật công trình đều phải có những khâu kiểm tra, giám sát chất lượng như sau:

- Tại hiện trường thi công đều có lực lượng giám sát kỹ thuật hiện trường, thí nghiệm hiện trường trực tiếp kiểm tra, giám sát chất lượng công trình
- Tại phòng thí nghiệm: Tổng Công ty kết hợp với phòng thí nghiệm của Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Bắc Kạn để kiểm tra, thí nghiệm cơ lý hóa nhằm đảm bảo chất lượng trước khi đưa vật liệu vào thi công như: thép, cát đá sỏi, xi măng,..

### 4.5.7 Hoạt động Marketing

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Tổng Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một các tốt nhất tới khách hàng. Với phương châm "Mỗi một phòng ban, mỗi một cán bộ đều phải có ý thức giữ gìn, nâng cao vị thế và thương hiệu sản phẩm, hình ảnh của Tổng Công ty", trong những năm qua Tổng Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Tổng Công ty đã có thương hiệu không chỉ trên địa bản tỉnh Bắc Kạn mà còn lan tỏa, có chỗ đứng vững chắc trên địa bàn cả nước cũng như các nước trong khu vực như Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc,…

### 4.5.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico:

Biểu tượng trên được Tổng Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho các sản phẩm và dịch vụ của Tổng Công ty cho đến thời điểm hiện tại.

### 4.5.9 Một số hợp đồng tiêu biểu đã thực hiện hoặc đã được ký kết

*Bảng 8* *Đơn vị: VNĐ*

| STT | Đối tác | Số Hợp đồng | Sản phẩm cung cấp | Tổng giá trị Hợp đồng |
|---|---|---|---|---|
| 01 | Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Hà Nam | 12/HĐKT/2008 | Quặng Silic | 45.500.000.000 |
| 02 | Công ty cổ phần thiết bị và xây lắp công nghiệp | 01/2009/HĐKT | Quặng Silic | 19.250.000.000 |
| 03 | Tổng Công ty động lực và Máy nông nghiệp | 09/2008/ST-GBK | Quặng sắt nguyên khai | 9.000.000.000 |
| 04 | Công ty TNHH Vạn Lợi | 01/HĐNT/VL-ST | Tinh quặng sắt | 100.000.000.000 |
| 05 | Công ty cổ phần Khai thác và Thương mại Kim Khải | 02/2009/HĐ-HH | Quặng sắt nguyên khai, Silic và đá trắng | 63.800.000.000 |
| 06 | Công ty TNHH Khải Hưng | 03/2008/HĐ-HH | Quặng Silic | 14.260.000.000 |
| 07 | Công ty cổ phần Khai khoáng luyện kim Bắc Việt | 18/HĐMB/BV-ST | Tinh quặng sắt và quặng nguyên khai | 150.500.000.000 |

*(Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico )*

## 4.6 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 4.6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong 2 năm gần nhất

- **Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007, 2008 và 9 tháng năm 2009**

*Bảng 8*

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2007 | Năm 2008 | 30/09/2009 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1000 VNĐ | 67.599.389 | 85.384.752 | 327.751.041 |
| 2 | Doanh thu thuần | 1000 VNĐ | 11.047.336 | 24.874.683 | 158.373.802 |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 1000 VNĐ | 798.908 | 2.395.489 | 29.977.633 |
| 4 | Lợi nhuận khác | 1000 VNĐ | 247.303 | (87.583) | - |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 1000 VNĐ | 1.046.211 | 2.307.906 | 29.977.633 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 1000 VNĐ | 753.272 | 1.710.158 | 22.483.225 |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: | | | | |
| | + Trả bằng tiền | % | - | - | - |
| | + Thưởng cổ phiếu | % | - | - | - |

*(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, 2008 và 9 tháng năm 2009 của KSS được kiểm toán bởi ACA)*

Từ năm 2004 đến năm 2007, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là từ hoạt động xây lắp (thi công các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và khai thác, sản xuất nhỏ quặng Silic), do vậy lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh không cao. Từ năm 2008 Tổng Công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực khai thác khoáng sản và đã được cấp phép một loạt các mỏ, cụ thể là: khai thác quặng sắt, đá trắng, Silic,…Tuy nhiên, trong năm 2008 hoạt động khai thác khoáng sản của Tổng Công ty chủ yếu là chuẩn bị các phương tiện, máy móc khai thác, dọn mỏ,.. mặt khác giá các nguyên liệu từ khai khoáng trên thị trường biến động rất phức tạp nên Tổng Công ty chủ trương chưa đẩy mạnh sản xuất trong năm này, và sản phẩm được khai thác ra chủ yếu lưu kho nên lợi nhuận năm 2008 so với năm 2007 chưa có nhiều đột biến. Từ đầu năm 2009 đến nay giá cả trên thị trường của các nguyên liệu này đã tăng lên đáng kể, tạo thuận lợi cho Tổng

Công ty trong việc đẩy mạnh sản xuất và xuất kho sản phẩm tồn, do vậy đã làm tăng đột biến doanh thu và lợi nhuận 09 tháng năm 2009 so với cả năm 2008.

### 4.6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo.

❖ **Những nhân tố thuận lợi**

***Chính sách của Nhà nước:*** Khoáng sản và xây dựng là những ngành được Nhà nước dành cho những chính sách ưu đãi về hoạt động khai thác ở những vùng có cơ sở hạ tầng kém phát triển, những doanh nghiệp có kỹ thuật, công nghệ chế biến tiên tiến, khai thác và sử dụng tài nguyên hiệu quả mang lại giá trị và hiệu quả kinh tế cao.

***Nguồn lực sản xuất:*** Hiện tại, nguồn lực sản xuất của Tổng Công ty vẫn đang rất dồi dào, với các mỏ khai thác có trữ lượng lớn. Việc cần làm hiện nay của Tổng Công ty là mở rộng sản xuất về quy mô, nâng cao năng lực sản xuất để có thể khai thác được tối đa nguồn tài nguyên đã được cấp phép.

***Nguồn lực con người:*** Với đội ngũ CBCNV tận tâm, tay nghề cao, được điều hành bởi những cán bộ, lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, Tổng Công ty có đủ nội lực để phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững trong những năm tới.

***Thị trường tiêu thụ sản phẩm:*** Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm quặng của Tổng Công ty nhu Silic, đá trắng, quặng sắt,… đều đang tăng cao. Hơn nữa Tổng Công ty đã xây dựng được những kênh tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm rất ổn định với giá trị hợp đồng lớn, thị trường không chỉ ở trong nước mà còn mở rộng ra các nước trong khu vực và Trung Đông.

❖ **Những nhân tố khó khăn**

***Tình hình kinh tế trong và ngoài nước:*** Kinh tế thế giới và Việt Nam vừa trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn và mới chỉ bắt đầu phục hồi nên vẫn còn rất nhiều những thử thách trong thời gian tới. Các ngành công nghiệp dùng nguyên liệu quặng làm nguyên liệu đầu vào nhìn chung đều giảm công suất sản xuất, kéo theo đầu ra cho sản phẩm quặng cũng bị thu hẹp lại trong thời gian qua. Giá vật liệu đầu vào từ đầu năm 2009 đã tăng khá mạnh cũng gây ra những khó khăn nhất định trong vấn đề quản lý, hoạch định chi phí sản xuất của Tổng Công ty.

***Công tác quản lý các mỏ thuộc chủ quyền của Tổng Công ty:*** Mặc dù có trữ lượng mỏ được cấp phép là hết sức dồi dào, nhưng vấn đề quản lý, khai thác một cách hiệu quả nhất những lợi thế đang có cũng là một thách thức không nhỏ đối với Tổng Công ty khi tình trạng khai thác tự do, khai thác lậu diễn ra hết sức phức tạp trên địa bàn.

## 4.7 Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### ❖ Vị thế của Tổng Công ty trong ngành

Với những chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư của tỉnh Bắc Kạn vào lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, đặc biệt với những doanh nghiệp có công nghệ khai thác tiên tiến, đảm bảo an toàn hệ sinh thái cũng như sức khỏe của người lao động trực tiếp sản xuất, Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico đang có những lợi thế đáng kể so với những doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn tỉnh cũng như trên cả nước. Nếu so sánh với những doanh nghiệp có truyền thống lâu năm về khai thác khoáng sản, Tổng Công ty vẫn là một doanh nghiệp trẻ. Tuy nhiên, với quyết tâm đón đầu công nghệ, Tổng Công ty đã nghiên cứu và đưa vào sản xuất nhiều loại máy móc, thiết bị, quy trình hiện đại nhằm nâng cao tối đa năng suất cũng như giảm thiểu những tác động xấu tới môi trường và cảnh quan xung quanh, đảm bảo sức khỏe an toàn cho người lao động. Với những thành tích tốt trong sản xuất những năm qua, Tổng Công ty luôn được UBND, các ban ngành có liên quan của tỉnh Bắc Kạn tạo điều kiện tối đa cho việc cấp phép, khai thác các vùng có những điểm mỏ lớn, có giá trị kinh tế cao như vàng, nephelin, sắt,…đây là một lợi thế đặc biệt quan trọng của Tổng Công ty trong quá trình hội nhập và phát triển thời gian tới.

### ❖ Triển vọng phát triển của ngành

Kết quả điều tra địa chất cho thấy Việt Nam đã phát hiện ra nhiều mỏ quặng kim loại có giá trị và phân bố rải rác ở nhiều nơi. Quặng sắt được phát hiện và khoanh định trên 200 vị trí, tập trung chủ yếu ở vùng núi phía Bắc. Các loại khác như quặng chì kẽm, quặng đồng, quặng thiếc, quặng nhôm tập trung nhiều ở Tây Ninh, Lâm Đồng, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn,… riêng quặng kim loại quý như vàng đã được điều tra phát hiện ở nhiều vùng trên cả nước và một vài mỏ đã được đưa vào khai thác. Như vậy, trữ lượng và các loại khoáng sản kim loại của Việt Nam là khá phong phú. Những năm gần đây, sản lượng khai thác, chế biến và xuất khẩu một số loại khoáng sản tăng mạnh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của một số địa phương và cả nước. Khai thác khoáng sản luôn đem lại cho doanh nghiệp những nguồn lợi đáng kể. Do vậy hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp có năng lực tài chính và sản xuất đang tập trung vào việc xin cấp phép thăm dò và khai thác quặng. Khoáng sản kim loại luôn được đánh giá là nguồn tài nguyên quý hiếm và có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế. Các chuyên gia kinh tế đều nhận định rằng ngành khai thác khoáng sản sẽ tiếp tục tăng trưởng cho dù kinh tế thế giới có phát triển chậm lại trong một vài năm tới.

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.**

Công nghiệp khai khoáng là ngành đầu tư lớn, có hiệu quả kinh tế cao, nhất là khi tăng trưởng kinh tế đòi hỏi nhiều các nguyên nhiên liệu quặng làm đầu vào, nhờ đó các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này sẽ thu được lợi nhuận lớn. Hiện tại, hầu hết các Tổng Công ty trong ngành này đều đang ở vị thế "độc quyền" trong việc khai thác, có lợi nhuận hấp dẫn, dễ khai thác. Tuy nhiên, lợi thế là vậy nhưng các Tổng Công ty hoạt động trong ngành chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách nhà nước như định hướng phát triển ngành khoá.ng sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế...Thêm vào đó, chi phí khai thác mỏ phụ thuộc rất nhiều vào giá cả nhiên liệu như xăng, dầu và giá cả những nguyên nhiên liệu này trong những năm gần đây liên tục biến động, ảnh hưởng lớn đến kết quả khai thác nếu không có kế hoạch dài hạn trong việc dự trữ nhiên liệu hợp lý. Đứng trước tình hình trên Tổng Công ty cũng đã có những kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng phát của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới như :

- Lập quy hoạch phát triển bền vững cho các mỏ hiện Tổng Công ty đang khai thác hoặc đã được cấp phép và sẽ tiến hành khai thác trong thời gian tới. Xem xét tính đồng bộ và toàn diện từ giai đoạn khảo sát, thăm dò, khai thác chế biến, sử dụng có tính đến yếu tố bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên.
- Tiến hành đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, quản lý hiện đại để tận thu nguồn tài nguyên, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Nghiên cứu công nghệ thu hồi các khoáng chất và nguyên tố cộng sinh trong các mỏ. Nghiên cứu áp dụng công nghệ chế biến và sử dụng lại các chất thải nhằm hình thành công nghệ ít hoặc không phế thải công nghiệp.
- Xây dựng quy hoạch công tác quản lý để góp phần khai thác, chế biến hợp lý và sử dụng tổng hợp, tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu và tài nguyên khoáng sản cho từng mỏ khai thác, loại khoáng sản, vùng khoáng sản.

## 4.8 Chính sách đối với người lao động

❖ **Tình hình và số lượng người lao động trong Tổng Công ty**

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Tổng Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 31/10/2009, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân khai thác và xây dựng của Tổng Công ty là 1156 người.

*Bảng 9*

*Đơn vị tính : Người*

| Yếu tố | 31/10/2009 |
|---|---|
| Số lượng nhân viên | **1.156** |
| **Phân theo trình độ chuyên môn** | |
| Trên đại học | 03 |
| Đại học | 34 |
| Cao đẳng, Trung cấp | 194 |
| Khác | 925 |
| **Phân theo thời hạn hợp đồng** | |
| LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ(TGĐ, PTGĐ, KTT) | 07 |
| Hợp đồng không xác định thời hạn | 149 |
| Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm | 75 |
| Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm | 925 |

*(Nguồn : Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamio )*

❖ **Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**

**Chính sách đào tạo**

Tổng Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Tổng Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Tổng Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Tổng Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

- **Chính sách lương**

- Lương bình quân công nhân sản xuất tại các xưởng, nhà máy: 1.800.000 đồng/ tháng

- Lương bình quân của khối hành chính: 3.000.000 đồng/ tháng

- **Chính sách thưởng**

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Tổng Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Tổng Công ty có chủ trương khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Tổng Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

- **Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động**

Tổng Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Tổng Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Do hoạt động trong lĩnh vực khai thác mỏ nên rủi ro tai nạn lao động hoàn toàn có thể xảy ra bất ngờ mà Tổng Công ty không thể lường trước, gây ảnh hưởng và hậu quả nghiêm trọng đến người và tài sản nên Tổng Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Tổng Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Tổng Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

## 4.9 Chính sách cổ tức

Tổng Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Tổng Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng

thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn. Trong 3 năm 2006, 2007 và 2008, Tổng Công ty không thực hiện chi trả cổ tức do lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh còn khiêm tốn, hoạt động khai thác và sản xuất khoáng sản chủ yếu đang trong giai đoạn xin cấp phép và đầu tư ban đầu nên cần nhiều vốn. Các năm 2009, 2010 và 2011, dự kiến tỷ lệ chia cổ tức sẽ lần lượt là 25%, 20% và 20% (tính trên mệnh giá), cụ thể tỉ lệ chia cổ tức sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Tổng Công ty.

## 4.10 Tình hình hoạt động tài chính

### 4.10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Báo cáo tài chính của Tổng Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

❖ **Trích khấu hao TSCĐ:**

- Chi phí khấu hao tài sản cố định của Tổng Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng; thời gian khấu hao theo khung thời gian quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003.

| Loại tài sản | Thời gian |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| Máy móc, thiết bị | 06 – 10 năm |
| Phương tiện vận tải | 04 – 15 năm |
| Dụng cụ quản lý | 03 – 06 năm |

- Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo Quyết định 206/2003/QĐ – BTC

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Tổng Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Hiện nay Tổng Công ty đang được các Ngân hàng đánh giá rất cao về khả năng thanh toán lãi và vốn vay; Vào thời điểm 30/09/2009 Tổng Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng. Tổng Công ty thanh toán công nợ đúng thời gian quy định theo thỏa thuận với các nhà cung cấp.

❖ **Trích lập các Quỹ theo luật định:**

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Tổng Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định

Tính đến ngày 30/09/2009 số dư các Quỹ của Tổng Công ty như sau:

**Trích lập các Quỹ**

*Bảng 10* *Đơn vị tính: đồng*

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2007 | 31/12/2008 | 30/09/2009 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Quỹ Khen thưởng và phúc lợi | 265.000 | 81.772.903 | 33.239.885 |
| | **Tổng cộng** | **265.000** | **81.772.903** | **33.239.885** |

*(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, 2008 và 09 tháng năm 2009 của KSS được kiểm toán bởi ACA)*

Trong 2 năm 2007 và 2008 do lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh không nhiều, quy mô hoạt động còn nhỏ nên Tổng Công ty tạm thời chỉ trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi. Trong năm 2009 dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là khả quan, đồng thời với việc đầu tư và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng quy mô, Tổng Công ty sẽ tiến hành trích lập các quỹ khác như quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng rủi ro tài chính,.. theo quy định. Cụ thể tỷ lệ trích lập sẽ được thông qua tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Tổng Công ty.

❖ **Tổng dư nợ vay**

*Bảng 11* *Đơn vị tính: đồng*

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2007 | 31/12/2008 | 30/09/2009 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn (triệu đồng) | 32.406 | 42.408 | 63.102 |
| 2 | Vay và nợ dài hạn (triệu đồng) | 2.064 | 1.000 | 24.729 |
| | **Tổng cộng** | **34.470** | **43.408** | **87.831** |

*(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, 2008 và 09 tháng năm 2009 của KSN được Kiểm toán bởi ACA)*

❖ **Tình hình công nợ hiện nay:**

**Công nợ phải thu của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2009**

*Bảng 12* *Đơn vị tính: đồng*

| STT | Chỉ tiêu | Tổng số | % so với tổng tài sản |
|---|---|---|---|
| 1 | Phải thu của khách hàng | 87.344.154.569 | 26,65 % |
| 2 | Trả trước cho người bán | 4.592.498.946 | 1,4 % |
| 3 | Các khoản phải thu khác | 25.323.231.817 | 7,73 % |
| 4 | Thuế GTGT được khấu trừ | 336.491.293 | 0,1 % |
| | **Tổng cộng** | **117.596.376.625** | **35,88 %** |

**Công nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày 30/09/2009**

*Bảng 13*

| STT | Chỉ tiêu | Tổng số | % so với tổng tài sản |
|---|---|---|---|
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | 63.101.838.923 | 19,25% |
| 2 | Phải trả cho người bán | 85.888.771.813 | 26,2% |
| 3 | Thuế và các nghĩa vụ phải nộp nhà nước | 8.117.726.460 | 2,48% |
| 4 | Phải trả công nhân viên | 597.872.344 | 0,18% |
| 5 | Chi phí phải trả | 2.392.832.148 | 0,73% |
| 6 | Các khoản phải trả, phải nộp khác | 24.884.483 | 0,001% |
| | **Tổng cộng** | **160.123.926.171** | **48,85%** |

*(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, 2008 và 09 tháng năm 2009 của KSN được kiểm toán bởi ACA)*

### 4.10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

*Bảng 14*

| Các chỉ tiêu | ĐVT | 2007 | 2008 | 30/09/2009 |
|---|---|---|---|---|
| **1. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 60.86 | 56.71 | 56.4 |
| + Hệ số Nợ /Vốn chủ sở hữu | % | 155.48 | 131 | 129.4 |

| Các chỉ tiêu | ĐVT | 2007 | 2008 | 30/09/2009 |
|---|---|---|---|---|
| **2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | Lần | 1.17 | 1.07 | 1.2 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn | Lần | 0.61 | 0.51 | 0.95 |
| **3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** | | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Doanh thu thuần / Hàng tồn kho | Lần | 0.5 | 0.92 | 3.85 |
| + Số vòng quay khoản phải thu: Doanh thu thuần / Các khoản phải thu | Lần | 0.64 | 1.72 | 1.4 |
| + Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản: Doanh thu thuần / Tổng tài sản | Lần | 0.16 | 0.29 | 0.48 |
| **4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | | | |
| + Hệ số LNST/Doanh thu thuần | % | 6.82 | 6.88 | 14.2 |
| + Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu | % | 2.85 | 4.63 | 15.74 |
| + Hệ số LNST/Tổng tài sản | % | 1.11 | 2 | 6.86 |
| + Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần | % | 7.23 | 9.63 | 18.93 |

## 4.11 Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

### 4.11.1 Danh sách

❖ **Danh sách Hội đồng quản trị tại thời điểm ngày 15/12/2009**

*Bảng 15*

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày sinh | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Dĩnh | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 07/02/1965 | 2.000.000 | 16.95% |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Nguyễn Văn Dũng | Ủy viên HĐQT | 12/08/1960 | 100.000 | 0.84% |
| 3 | Nguyễn Tiến Dũng | Ủy viên HĐQT | 23/09/1970 | 400.000 (*số cổ phần đại diện sở hữu cho Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico*) | 3.39% |
| 4 | Kiều Công Hoạt | Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 24/08/1977 | 0 | 0% |
| 5 | Trần Văn Tặng | Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 10/06/1961 | 0 | 0% |

❖ **Danh sách Ban Kiểm soát**

*Bảng 16*

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày sinh | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Sơn | Trưởng BKS | 10/02/1971 | 420.000 | 3.56% |
| 2 | Nguyễn Hồng Tiến | Thành viên BKS | 08/05/1955 | 0 | |
| 3 | Vũ Thị Tú | Thành viên BKS | 20/06/1984 | 0 | 0 |

❖ **Kế toán trưởng**

*Bảng 17*

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày sinh | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hà Thị Thu Huyền | Kế toán trưởng | 23/02/1978 | 0 | 0% |

### 4.11.2 Sơ yếu lý lịch

**Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị**

**a/ Ông : NGUYỄN VĂN DĨNH**

- Chức vụ tại Tổng Công ty : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 07/02/1965
- Chứng minh thư nhân dân : 095051981 cấp ngày 23/11/2001 tại công an Bắc Kạn
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tự Lạn, Việt Yên, Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú : Tổ 9 phường Phùng Chí Kiên, thị xã Bắc Kạn
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

| Thời gian công tác | Chức vụ công tác |
|---|---|
| 1987-2002 | Công ty xăng dầu Bắc Thái |
| Từ 2002 – đến nay | Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |

- Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico ; Chủ tịch hiệp hội doanh nghiệp trẻ tỉnh Bắc Kạn;
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu : 2.000.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 100.000 cổ phần
  - Họ tên người có liên quan : Nguyễn Văn Dũng

    + Quan hệ : Anh trai

    + Số cổ phần nắm giữ : 100.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**b/ Ông : NGUYỄN TIẾN DŨNG**

- Chức vụ tại Tổng Công ty : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 23/09/1970
- Chứng minh thư nhân dân : 168224641 cấp ngày 13/09/2004 tại công an Hà Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hải Hà, Hải Hậu, Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Tổ 21 phường Trần Hưng Đạo, Phủ Lý, Hà Nam
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp Vật tư
- Quá trình công tác:

| Thời gian công tác | Chức vụ công tác |
|---|---|
| Từ 1999-2000 | Xí nghiệp công nghiệp thực phẩm Phủ Lý |
| Từ 2002 – đến nay | Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hà Nam |
| Từ 10/2009 đến nay | Ủy viên HĐQT Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Khoáng sản Hamico ;
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 400.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**c/ Ông : NGUYỄN VĂN DŨNG**

- Chức vụ tại Tổng Công ty : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/08/1960
- Chứng minh thư nhân dân : 120949106 cấp ngày 20/09/1985 tại công an Hà Bắc (cũ)

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tự Lạn, Việt Yên, Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú : Tổ 12 Nguyễn Thị Minh Khai, thị xã Bắc Kạn, tỉnh BK
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian công tác | Chức vụ công tác |
|---|---|
| 1975-2004 | Xã viên hợp tác xã nông nghiệp |
| Từ 2004 – đến nay | Ủy viên HĐQT, trưởng phòng Vật tư Xe máy Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT kiêm trưởng phòng Vật tư Xe máy ;
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu : 100.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 2.500.000 cổ phần, trong đó
  - Người có liên quan: Nguyễn Văn Dĩnh
    + Quan hệ : Em trai
    + Số cổ phần nắm giữ : 2.000.000 cổ phần
  - Người có liên quan : Nguyễn Văn Giang
    + Quan hệ : Con trai
    + Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 500.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**d/ Ông : TRẦN VĂN TẶNG**

- Chức vụ tại Tổng Công ty : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/06/1961
- Chứng minh thư nhân dân : 121032837 cấp ngày 21/03/2005 tại công an Bắc Giang
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Giao Phong, Giao Thủy, Nam Định
- Địa chỉ thường trú : phường Ngô Quyền, tp Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
- Quá trình công tác:

| Thời gian công tác | Chức vụ công tác |
|---|---|
| Từ 04/1994-12/2004 | Phó phòng Kinh doanh điện năng, điện lực Bắc Giang |
| Từ 04/2004-03/2007 | Trưởng chi nhánh điện thành phố Bắc Giang |
| Từ 03/2007-đến nay | Phó phòng dự án đầu tư Công ty cổ phần Hóa dầu và nhiên liệu sinh học dầu khí ; Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Phó phòng dự án đầu tư Công ty cổ phần hóa dầu và nhiên liệu sinh học dầu khí ;
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**e/ Ông : KIỀU CÔNG HOẠT**

- Chức vụ tại Tổng Công ty : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/08/1977
- Chứng minh thư nhân dân : 095178699 cấp ngày 06/01/2009 tại công an Bắc Kạn
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tống Phan, Phù Cừ, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : Tổ 10, p. Phùng Chí Kiên, tx Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
- Trình độ văn hóa : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Công nghệ Thông tin
- Quá trình công tác:

| Thời gian công tác | Chức vụ công tác |
|---|---|
| Từ 10/2001-03/2004 | Văn phòng đại diện Xí nghiệp Xây dựng công trình giao thông Thái Hà-Hà Giang tại Bắc Kạn |
| Từ 04/2004 đến nay | Ủy viên HĐQT, phó Tổng Giám đốc, trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty cổ phần Sơn Trang (nay là Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico) |

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát**

**a/ Ông : NGUYỄN VĂN SƠN**

- Chức vụ tại Tổng Công ty : Trưởng Ban kiểm soát
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/02/1971
- Chứng minh thư nhân dân : 090638415 cấp ngày 30/03/2009 tại tỉnh Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vĩnh Hòa, Linh Giang, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : Xã Tân Quang, huyện Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp Thương mại
- Quá trình công tác:

| Thời gian công tác | Chức vụ công tác |
|---|---|
| Từ 1996-09/2009 | Công ty xăng dầu Bắc Thái |
| Từ 10/2009 đến nay | Trưởng Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |

- Chức vụ hiện tại : Trưởng Ban kiểm soát
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu : 420.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 570.000 cổ phần, trong đó :
  - Họ tên người có liên quan : Vũ Thị Liễu
    + Quan hệ : Vợ
    + Số cổ phần nắm giữ : 570.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**b/ Ông : NGUYỄN HỒNG TIẾN**

- Chức vụ tại Tổng Công ty : Thành viên Ban kiểm soát
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 08/05/1955
- Chứng minh thư nhân dân : 012498550 cấp ngày 22/03/2002 tại công an Bắc Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tự Lạn, Việt Yên, Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú : 67/322 Lê Trọng Tấn, phường Tương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp
- Quá trình công tác

| Thời gian công tác | Chức vụ công tác |
|---|---|
| Từ 1972-05/2009 | Công ty xăng dầu Bắc Thái |
| Từ 10/2009 đến nay | Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |

- Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban kiểm soát ;
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**c/ Bà : VŨ THỊ TÚ**

- Chức vụ tại Tổng Công ty : Thành viên Ban kiểm soát
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 20/06/1984
- Chứng minh thư nhân dân : 091084561 cấp ngày 11/10/2005 tại tỉnh Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên
- Địa chỉ thường trú : phường Sông Cầu, tx Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp Thương mại
- Quá trình công tác

| Thời gian công tác | Chức vụ công tác (bổ sung quá trình công tác) |
|---|---|
| Từ 2004 – 2009 | Phòng Tài chính Kế toán – Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |
| Từ 2009 - đến nay | Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |

- Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban kiểm soát
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 1.690.000 cổ phần, trong đó :
  - Người có liên quan : Đinh Ngọc Tuyến

  + Quan hệ : Chồng

  + Số cổ phần nắm giữ : 210.000 cổ phần
  - Người có liên quan : Vũ Thị Liễu

  + Quan hệ : Chị gái

  + Số cổ phần nắm giữ : 570.000 cổ phần
  - Người có liên quan : Vũ Thị Thu

  + Quan hệ : Chị gái

  + Số cổ phần nắm giữ : 360.000 cổ phần
  - Người có liên quan : Vũ Ngọc Tuấn

  + Quan hệ : Anh trai

  + Số cổ phần nắm giữ : 550.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**Lý lịch Kế toán trưởng**

**Bà : HÀ THỊ THU HUYỀN**

- Chức vụ tại Tổng Công ty : Kế toán trưởng
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 23/02/1978
- Chứng minh thư nhân dân : 095069620 cấp ngày 27/02/2003 tại tỉnh Bắc Kạn
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Chợ Đồn, Bắc Kạn
- Địa chỉ thường trú : Tổ 09 phường Đức Xuân, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán
- Quá trình công tác :

| Thời gian công tác | Chức vụ công tác |
|---|---|
| Từ 1999-2006 | Kế toán văn phòng huyện ủy Chợ Đồn |
| Từ 2006-2007 | Kế toán Công ty TNHH Chì kẽm Việt Thái |
| Từ 2008 đến nay | Kế toán trưởng Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico |

- Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

## 4.12 Tài sản

**Danh mục một số TSCĐ chính của Tổng Công ty tính đến ngày 30/09/2009**

| STT | DANH MỤC TÀI SẢN | NGUYÊN GIÁ (đồng) | Giá trị còn lại (đồng) |
|---|---|---|---|
| | **TỔNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH** | **133.718.568.928** | **124.302.352.065** |
| | **DANH MỤC MỘT SỐ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH** | | |
| 1 | Máy xúc SHUMITOMO S340 | 400.000.000 | 99.999.997 |
| 2 | Máy xúc KOMATSU | 528.571.000 | 132.142.735 |
| 3 | Dây chuyền thiết bị máy MTM | 8.513.815.000 | 8.513.815.000 |
| 4 | Máy đào bánh xích Kobelco SK 310-LC | 2.857.142.857 | 2.278.911.568 |
| 5 | Máy xúc đào KATO HĐ700SEII | 247.619.076 | 61.904.755 |
| 6 | Máy ủi KOMATSU | 209.523.810 | 52.380.930 |
| 7 | 05 ô tô KAMAZ | 733.333.335 | 458.333.340 |
| 8 | Nhà xưởng chính nhà máy Ngân Sơn (*) | 3.808.801.231 | 2.983.560.970 |
| 9 | Trạm điện nhà máy Ngân Sơn (*) | 541.183.470 | 423.927.056 |
| 10 | Đường nội bộ nhà máy Ngân Sơn(*) | 895.184.730 | 701.228.034 |

*( (*): Các bất động sản do Tổng Công ty là chủ sở hữu);*

*(Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico)*

## 4.13 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong 03 năm tiếp theo từ năm 2009 đến năm 2011

*Bảng 19* *Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2009 | | Năm 2010 | | Năm 2011 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Kế hoạch (triệu đồng) | % tăng (giảm) so với năm 2008 | Kế hoạch (triệu đồng) | % tăng (giảm) so với năm 2009 | Kế hoạch (triệu đồng) | % tăng (giảm) so với năm 2010 |
| 1 | Vốn điều lệ | 118.000 | 242% | 118.000 | 0% | 118.000 | 0% |
| 2 | Doanh thu thuần | 200.000 | 703% | 288.000 | 44% | 324.000 | 12.5% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 44.440 | 1826% | 80.000 | 80% | 90.000 | 12.5% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 32.000 | 1771% | 57.600 | 80% | 64.800 | 12.5% |
| 5 | Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 16% | 131.8% | 20% | 25% | 20% | - |
| 6 | Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ | 27.1% | 442% | 48.8% | 80% | 54.9% | 12.5% |
| 7 | Tỷ lệ cổ tức (%/mệnh giá) | 25% | | 20% | | 20% | |

*(Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico )*

### 4.13.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

| Điểm mạnh | Điểm yếu |
|---|---|
| - Trữ lượng các mỏ quặng có giá trị của Tổng Công ty như sắt, vàng, nephelin,... rất dồi dào và có chất lượng tốt, thời gian khai thác dài.<br>- Máy móc, trang thiết bị dành cho sản xuất hiện đại, khai thác được tối đa tiềm năng mỏ | - Là một doanh nghiệp trẻ nếu so với các Công ty trong khu vực Nhà nước đã có rất nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực khai khoáng.<br>- Phụ thuộc nhiều vào các chính sách vĩ mô của Nhà nước về khai thác khoáng sản. Bất |

| | |
|---|---|
| và giảm thiểu chi phí.<br>- Thị trường tiêu thụ các sản phẩm và dịch vụ của Tổng Công ty rất ổn định trên cả nước và xuất khẩu được ra các thị trường trong khu vực Châu Á và Trung Đông.<br>- Đội ngũ CBCNV giàu kinh nghiệm, chuyên môn cao gắn bó với Tổng Công ty tạo nên một tập thể đoàn kết, giàu sức mạnh. | kỳ sự biến động nào về chính sách cũng ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. |
| **Cơ hội** | **Thách thức** |
| - Với uy tín ngày càng cao trong ngành, trong thời gian tới Tổng Công ty sẽ tiếp tục được cấp phép các mỏ quặng mới với trữ lượng cao và rất có giá trị về mặt kinh tế, là cơ sở để Tổng Công ty mở rộng quy mô sản xuất và thị trường tiêu thụ.<br>- Nền kinh tế thế giới và Việt Nam sau khủng hoảng sẽ bắt đầu bước vào một chu kỳ phát triển mới trong những năm tới, tạo ra những cơ hội lớn cho những doanh nghiệp có nội lực và năng động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, và Tổng Công ty cũng không phải là ngoại lệ.<br>- Khi cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên SGDCK Hồ Chí Minh sẽ nâng cao uy tín cho Tổng Công ty, tạo điều kiện thuận lợi để Tổng Công ty huy động vốn từ các Nhà đầu tư cho các dự án mới. | - Với chính sách ngày càng hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô của Nhà nước nhằm hạn chế việc chảy máu nguồn tài nguyên đang đặt ra cho Tổng Công ty một sức ép không nhỏ về việc đầu tư máy móc và nghiên cứu công nghệ nhằm nâng cao hơn nữa hàm lượng quặng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.<br>- Vấn đề bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên những khu vực mỏ khai thác và bảo vệ an toàn trong sản xuất cho người lao động |

### 4.13.2 Định hướng phát triển chiến lược của Tổng Công ty

**Tuân thủ pháp luật**:

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Tổng Công ty.

**Quản lý, công tác tổ chức:**

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty với mô hình Tổng Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.

- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

**Tài chính:**

- Tổng Công ty đã đăng ký Công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và dự kiến niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh vào cuối năm 2009 hoặc đầu năm 2010.
- Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Tổng Công ty và sản phẩm dịch vụ của Tổng Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.
- Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để nghiên cứu các sản phẩm và dịch vụ mới.

**Hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Trong những năm tới, Tổng Công ty sẽ tăng cường đầu tư và nghiên cứu, chế biến sâu các sản phẩm từ nguyên liệu khoáng sản đã qua chế biến cơ bản nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm làm ra.
- Đưa vào khai thác các mỏ mới được cấp phép, tận dụng tối đa năng lực sản xuất của máy móc thiết bị và hiệu quả sử dụng lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra, thỏa mãn yêu cầu khách hàng, đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Trong lĩnh vực thi công xây lắp Tổng Công ty sẽ chú trọng phát triển các dự án xây dựng lớn như đầu tư, trực tiếp thi công các công trình chung cư, nhà ở cho người có thu nhập trung bình và thấp, các dự án cơ sở hạ tầng khu công nghiệp,… nâng cao năng lực và chất lượng các công trình thi công.
- Tăng cường công tác quảng cáo, tiếp thị, quảng bá hình ảnh Tổng Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Mở rộng thị phần mới, tăng cường quan hệ và chăm sóc mảng thị phần, khách hành truyền thống của Tổng Công ty. Tiếp tục làm tốt công tác thị trường, tập trung khai thác các nguồn

hàng, duy trì thường xuyên mối thông tin quan hệ để làm tốt công tác khách hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

- Tiếp tục hoàn thiện các chương trình tăng cường quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, giữ gìn tốt phương tiện, máy móc thiết bị và chỉ đạo thực hiện tốt các quy trình quy phạm trong bảo quản, vận hành sản xuất, đảm bảo an toàn về phương tiện, hàng hóa, con người và môi trường. Hợp lý hóa các khâu sản xuất, thiết lập các định mức, biên độ sản xuất hợp lý tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ.

- Duy trì hiệu quả khai thác, hạn chế rủi ro, đảm bảo về yêu cầu an toàn lao động, cũng như quan tâm đúng mức về yếu tố bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, giảm chất thải công nghiệp…

**Phát triển nguồn nhân lực:**

- Tổng Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Tổng Công ty.
- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

### 4.13.3 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua

- ***Khai thác mỏ vàng sa khoáng Nà Làng, xã Lương Thượng, huyện Na Rì,Bắc Kạn***

+ **Chủ quyền mỏ:** Giấy phép khai thác số 2769/GP-UBND cấp ngày 14/09/2009 của UBND tỉnh Bắc Kạn

+ **Diện tích khai thác**: 19.02 ha

+ Sản phẩm sau chế biến: vàng sa khoáng, vàng miếng

**+ Kế hoạch khai thác và sản xuất:** Tháng 11 năm 2009 đã tiến hành giải phóng xong mặt bằng cùng với nhập các thiết bị máy móc cho khai thác và tuyển quặng. Đầu tháng 12 năm 2009 sẽ bắt đầu tiến hành khai thác và chế biến sản phẩm.

**+ Doanh thu dự kiến từ sản phẩm vàng sa khoáng**: 30 tỷ/ năm

- ***Khai thác mỏ đá vôi trắng tại mỏ Bản Lồm, xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn***

**+ Chủ quyền mỏ:** Giấy phép khai thác số 812/GP-UBND cấp ngày 26/04/2006 của UBND tỉnh Bắc Kạn

**+ Diện tích khai thác**: 3.5 ha

**+ Trữ lượng khai thác**: 450.000 $m^3$

**+ Công suất khai thác dự kiến**: 100.000 $m^3$/ năm

**+ Sản phẩm sau chế biến:** Bột đá siêu mịn, đá xẻ tấm

**+ Kế hoạch khai thác và sản xuất:** Hiện tại đã tiến hành sản xuất được đá khối, đá xẻ, đá tấm. Tháng 05 năm 2010 sẽ hoàn thiện và khai thác toàn bộ công suất của Nhà máy Cacbonat và sản xuất sản phẩm bột đá siêu mịn.

**+ Doanh thu dự kiến**: 50 tỷ/ năm

- ***Khai thác mỏ Syenit Nephelin tại khu vực Bản Man, xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn***

**+ Chủ quyền mỏ:** Giấy phép thăm dò số 859/GP-BTNMT cấp ngày 22/04/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

+ Diện tích khu vực thăm dò: 22.31 ha

+ Dự kiến có giấy phép khai thác: Tháng 02 năm 2010

**+ Sản phẩm sau chế biến: Bột nephelin mịn**

**+ Kế hoạch khai thác và sản xuất:** Đã xin khai thác thử và xuất cho Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Hà Nam vào tháng 03 năm 2008. Dự kiến tháng 3 năm 2010 sẽ bắt đầu khai thác và sản xuất chính thức.

**+ Doanh thu dự kiến:** 80 tỷ/ năm

- ***Khai thác mỏ đá hoa cương khu vực Đán Khao, xã Tân Lập, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn***

**+ Chủ quyền mỏ:** Giấy phép thăm dò số 1136/GP-BTNMT cấp ngày 30/05/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

+ Diện tích khu vực thăm dò: 31.28 ha

+ Thời gian thăm dò: 24 tháng kể từ ngày cấp giấy phép thăm dò

+ Dự kiến có giấy phép khai thác: Cuối năm 2010

+ Sản phẩm sau chế biến: Đá xẻ hoa
+ Doanh thu dự kiến: 20 tỷ/ năm

*Xây dựng khu Resort Ba Bể tỉnh Bắc Kạn*

+ Vị trí xây dựng: Xã Khang Ninh, huyện Ba Bể, Bắc Kạn
+ Diện tích xây dựng: 3.8 ha
+ Công năng sử dụng: Bao gồm các khu đón tiếp, khu dịch vụ, khu nghỉ dưỡng

## 4.14 Đánh giá của Tổ chức tư vấn niêm yết về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Căn cứ vào tốc độ phục hồi và tăng trưởng trở lại của kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, nhu cầu của các ngành Công nghiệp , đặc biệt là tốc độ tăng trưởng của các ngành xây dựng, công nghiệp sản xuất thép,... Chúng tôi nhận thấy rằng nhu cầu sử dụng nguyên liệu quặng như Silic, quặng sắt, Nephelin, vàng,... ngày càng cao. Giá của các nguyên liệu quặng trên thị trường cũng có xu hướng ngày càng tăng do tài nguyên quặng là có hạn trong khi nhu cầu sử dụng thì tăng lên. Như vậy, nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận mà Tổng Công ty đề ra cho giai đoạn 2009-2011 là hoàn toàn có cơ sở và khả thi. Tổng Công ty có cơ sở để đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo như kế hoạch cũng như mục tiêu tái đầu tư phát triển của Tổng Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn niêm yết, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng phát triển của nền kinh tế, của ngành khai thác khoáng sản tại Việt Nam cũng như của Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Doanh nghiệp hoàn toàn không đảm bảo giá trị của chứng khoán niêm yết cũng như sự chắc chắn của các số liệu dự báo. Những đánh giá này chỉ có tính chất tham khảo với nhà đầu tư.

## 4.15 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

– Không có

## 4.16 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

Hiện tại Tổng Công ty Khoáng sản Na Rì Hamico và Công ty cổ phần Chứng khoán Thủ Đô (CSC) đang giải quyết các thủ tục liên quan đến thanh lý hợp đồng tư vấn số 270/2008/CSC.TVPT giữa 2 bên. Hợp đồng tư vấn được ký vào ngày 09/05/2008 với nội dung về việc cung cấp dịch vụ tư vấn tăng vốn, tư vấn quản trị công ty đại chúng và tư vấn niêm yết cho Công ty cổ phần Xây dựng Sơn Trang (tên giao dịch trước đây của Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico). Tuy nhiên vì nhiều lý do mà hợp đồng tư vấn trên vẫn chưa thể triển khai được giữa Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico và Công ty cổ phần Chứng khoán Thủ đô. Mặt khác, trong suốt quá trình từ khi ký hợp đồng số 270/2008/CSC.TVPT đến nay, Công ty cổ phần Xây dựng Sơn Trang lần lượt đổi tên thành Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Khoáng sản- Sơn Trang, Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na rì Hamico với mức vốn điều lệ tăng lên 118.000.000.000 đồng, quy mô sản xuất mở rộng, triển khai thăm dò, khai thác nhiều mỏ khoáng sản mới, xây dựng thêm nhà xưởng, cung cấp việc làm cho hàng ngàn lao động, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội tại các địa phương nơi Tổng Công ty tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, việc tham gia vào thị trường chứng khoán, đặc biệt niêm yết trên Thị trường chứng khoán Tập trung sẽ giúp Tổng Công ty tiếp cận các nguồn vốn mới để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; minh bạch hóa hoạt động quản trị và tài chính của Tổng Công ty; nâng cao dần hình ảnh, uy tín, thương hiệu của Tổng Công ty với các nhà đầu tư, với cổ đông, với đối tác, với khách hàng. Nhận thấy tính chất quan trọng và thiết yếu của việc niêm yết cổ phiếu, các cổ đông và Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã nhất trí thanh lý hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Chứng khoán Thủ đô, đồng thời tìm kiếm các tổ chức tư vấn phù hợp hơn để giúp Tổng Công ty nhanh chóng thực hiện việc niêm yết cổ phiếu và quản trị công ty theo đúng pháp luật và theo các các quy định về công ty đại chúng, công ty niêm yết.

Ngày 23/10/2009, Tổng Công ty đã gửi công văn số 273/2009 về việc thanh lý hợp đồng tư vấn niêm yết đề nghị thanh lý hợp đồng niêm yết với Công ty cổ phần Chứng khoán Thủ Đô. Tuy nhiên, cho tới nay Tổng Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi nào từ phía Công ty cổ phần chứng khoán Thủ Đô.

Ngày 02/11/2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng niêm yết số 01/2009/GASC.TV với Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Anh, theo đó công ty cổ phần Chứng khoán Gia Anh sẽ tư vấn cho Tổng Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mọi vấn đề pháp lý về thủ tục thanh lý hợp đồng giữa Tổng Công ty và Công ty cổ phần Chứng khoán Thủ đô sẽ được tiếp tục giải quyết trên tinh thần tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau, đồng thời Tổng Công ty cam kết sự vụ này sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và các kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty hiện tại cũng như trong thời gian tới.

***PHẦN V***

## CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

**5. 1. Loại chứng khoán**: *Cổ phiếu phổ thông*

**5. 2. Mệnh giá:** *10.000 đồng/cổ phiếu*

**5. 3. Tổng số chứng khoán niêm yết:** ***11.800.000 cổ phiếu***

**5. 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:**

- Tổng Công ty không có cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày đầu tiên niêm yết và 50% số lượng này trong 06 tháng tiếp theo.
- Cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, cổ đông lớn (nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần của Công ty trở lên) cam kết không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình SGDCK Hồ Chí Minh thẩm định hồ sơ niêm yết.
- Theo quy định đối với cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, cổ đông là tổ chức có đại diện nắm giữ là thành viên HĐQT của tổ chức đăng ký niêm yết (theo hướng dẫn của công văn 584/UBCK-QLPH ngày 16/05/2009) trong vòng 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên Sở GDCK Hồ Chí Minh, sẽ có tổng cộng 2.920.000 cổ phần không được phép chuyển nhượng và trong vòng 06 tháng tiếp theo sẽ còn lại 1.460.000 cổ phần không được phép chuyển nhượng. Sau 01 năm kể từ ngày giao dịch đầu tiên quy định số cổ phiếu không được phép chuyển nhượng sẽ tự động hết hiệu lực.

## 5.5. Phương pháp tính giá:

### a. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

| Tên Tổng Công ty | KL đang lưu hành bình quân (cổ phần) | Giá trị sổ sách (đồng/ 1 cổ phiếu) | Giá đóng cửa ngày 13/11/2009 (đv: đồng/ 1 cổ phiếu) | P/B (lần) |
|---|---|---|---|---|
| Tổng Công ty CP Khoáng sản Bình Định (BMC) | 8.261.820 | 16.043 | 65.000 | 4.05 |
| Công ty cổ phần kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam (MIC) | 1.985.653 | 17.080 | 100.900 | 5.91 |
| Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (LBM) | 8.350.000 | 14.350 | 18.700 | 1.3 |
| Công ty cổ phần khoáng sản Mangan (MMC) | 1.171.925 | 16.080 | 71.900 | 4.47 |
| Công ty cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái (YBC) | 4.837.430 | 14.860 | 37.300 | 2.51 |
| Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Hà Nam (KSH) | 11.690.000 | 11.260 | 62.000 | 5.5 |
| **Bình quân** | | | | **3.96** |

*(Nguồn: Bộ phận phân tích Công ty cổ phần chứng khoán Gia Anh và tham khảo trên các tạp chí tài chính chứng khoán chuyên ngành)*

- P/B được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà đơn vị tư vấn xét thấy có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương tự với Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh/ Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

- P/B bình quân của các Công ty cùng ngành được lựa chọn đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán đến ngày 13/11/2009 là: 3.96 lần

Trên cơ sở cân nhắc thận trọng, chúng tôi lựa chọn giá trị P/B tham chiếu cho 09 tháng năm 2009 để tính giá trị cổ phiếu là 3.96 lần so với giá trị sổ sách.

*Giá cổ phiếu được tính như sau:*

| Chỉ tiêu | Giá trị |
|---|---|
| Tổng tài sản | 327.751.041.351 đồng |
| Tài sản cố định vô hình | 541.000.000 đồng |
| Tổng nợ | 184.852.821.245 đồng |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 33.239.885 đồng |
| Số lượng cổ phiếu lưu hành | 11.800.000 cổ phiếu |
| Book Value 09 tháng năm 2009 | 12.061 đồng |
| P/B tham chiếu 09 tháng năm 2009 | 3.96 lần |
| **Giá cổ phiếu theo phương pháp P/B** | **47.761 đồng** |

*(Nguồn: Báo cáo tài chính 09 tháng năm 2009 được kiểm toán bởi ACA)*

### b. Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E

| Tên Tổng Công ty | EPS 09 tháng đầu năm | Giá đóng của ngày 13/11/2009 (đv: đồng/ 1 cổ phiếu) | P/E (lần) |
|---|---|---|---|
| Tổng Công ty CP Khoáng sản Bình Định (BMC) | 1.959 | 65.000 | 33.18 |
| Công ty cổ phần kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam (MIC) | 4.092 | 100.900 | 24.65 |
| Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (LBM) | 739 | 18.700 | 25.3 |
| Công ty cổ phần khoáng sản Mangan (MMC) | 2.895 | 71.900 | 24.83 |
| Công ty cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái (YBC) | 1.263 | 37.300 | 29.53 |
| Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Hà Nam (KSH) | 1.260 | 62.000 | 49.2 |
| **Bình quân** | | | **31.1** |

*(Nguồn: Bộ phận phân tích Công ty cổ phần chứng khoán Gia Anh và tham khảo trên các tạp chí tài chính chứng khoán chuyên ngành)*

| Chỉ tiêu | Giá trị |
|---|---|
| Lợi nhuận sau thuế 9 tháng năm 2009 | 22.483.224.997 đồng |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 11.800.000 |
| EPS 09 tháng năm 2009 | 1900 đồng/cổ phiếu |
| P/E tham chiếu | 31.1 |
| Giá cổ phiếu theo phương pháp P/E | 59.000 |

*(Nguồn: Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm được kiểm toán bởi ACA)*

**c. Kết luận**:

| Trường hợp | A | B |
|---|---|---|
| Giá một cổ phiếu | 47.761 đồng | 59.000 |

**Giá bình quân cả 2 trường hợp: 53.500 đ/ cp**

Trên cơ sở các phương pháp tính giá ở trên và tình hình thực tế thị trường hiện nay, Tổng Công ty đề xuất giá dự kiến niêm yết chào sàn là **56.000 đồng/cp**

Chúng tôi xin lưu ý rằng, việc tính giá giao dịch dự kiến được dùng làm giá tham chiếu để tính biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở lý thuyết về tài chính, chứng khoán và cả mức độ chấp nhận của các nhà đầu tư hiện nay trên thị trường tự do. Các nhà đầu tư nên đánh giá và quyết định đưa ra một mức giá phù hợp với kỳ vọng cũng như mức độ rủi ro có thể chấp nhận được.

## 5.6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Khi cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Việt Nam hiện hành. Tỷ lệ sở hữu của các cổ đông nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Tổng Công ty.

Tại thời điểm ngày 15/12/2009 không có cổ đông nước ngoài nào nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty.

### 5.7. Các loại thuế có liên quan

❖ **Thuế thu nhập doanh nghiệp**: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 28%. Trong quý IV năm 2008 và năm 2009, Tổng Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài Chính.

❖ **Thuế GTGT**: Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

❖ **Thuế Tài nguyên và Phí bảo vệ môi trường**: Tổng Công ty nộp thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường hàng tháng theo quy định của Nhà nước.

# PHẦN VI

# CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

## 1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA ANH**

Trụ sở : 30 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT : 04.35401230

Fax : 04.35400332

## 2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

**CÔNG TY KIỂM TOÁN & TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

Địa chỉ : P504, Tòa nhà 17T7, Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội

ĐT : (84)-(04) 2811488

Fax : (84)-(04) 2811499

# PHẦN VII

# PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy CNĐKKD
2. **Phụ lục II** : Điều lệ Tổng Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. **Phụ lục III** : Quy chế Quản trị Tổng công ty phù hợp với Quy chế quản trị mẫu
4. **Phụ lục IV** : Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Tổng Công ty.
5. **Phụ lục V** : Báo cáo kiểm toán *(nguyên văn báo cáo kiểm toán)*
   - Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007
   - . Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008
   - Báo cáo tài chính đã kiểm toán 09 tháng năm 2009
   - Báo cáo kiểm toán vốn thời điểm 30/09/2009

6. **Các phụ lục khác có liên quan**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO BẢN CÁO BẠCH

Bắc Kạn, ngày 15 tháng 11 năm 2009

CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

**Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**

SĐKKD: 4700144572 - C.T.C.P TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO TX. BẮC KẠN - T. BẮC KẠN

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Văn Dinh

**Trưởng ban kiểm soát**

Nguyễn Văn Sơn

**Kế toán trưởng**

HÀ THỊ THU HUYỀN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO BẢN CÁO BẠCH

Bắc Kạn, ngày 15 tháng 12 năm 2009

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA ANH

Đinh Ngọc Dương



C